

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

**Sinh viên :Ngô Phạm Thúy Ngân
Giảng viên hướng dẫn: Ths. Đồng Thị Nga**

HẢI PHÒNG - 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**TÊN ĐỀ TÀI KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ
PHẦN DỊCH VỤ SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HÙNG
NHUNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**Sinh viên :Ngô Phạm Thúy Ngân
Giảng viên hướng dẫn:Ths. Đồng Thị Nga**

HẢI PHÒNG - 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Ngô Phạm Thúy Ngân Mã SV: 1412401184

Lớp: QT1802K Ngành: Kế Toán Kiểm Toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần dịch vụ sản xuất và thương mại Hùng Nhung

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp
(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
2. Khái quát được những lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
3. Phản ánh được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Sản Xuất Và Thương Mại Hùng Nhung
4. Đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Sản Xuất Và Thương Mại Hùng Nhung, trên cơ sở đó đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu chi phí tại đơn vị thực tập.
5. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán:
-Sử dụng số liệu năm 2017
6. Địa điểm thực tập tốt nghiệp: Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Sản Xuất Và Thương Mại Hùng Nhung

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Đông Thị Nga**

Học hàm, học vị: **Thạc sĩ QTKD**

Cơ quan công tác: **Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng.**

Nội dung hướng dẫn: **Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần dịch vụ sản xuất và thương mại hùng nhung**

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 12 tháng 03 năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 02 tháng 06 năm 2018

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2018

Hiệu trưởng

GS.TS.NGUYỄN Trần Hữu Nghị
PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm
Cán bộ hướng dẫn
(Ký và ghi rõ họ tên)

LỜI MỞ ĐẦU

Trong điều kiện kinh tế thị trường phát triển và hội nhập nhiều doanh nghiệp trên cùng một địa bàn cùng kinh doanh những sản phẩm giống nhau nên sự cạnh tranh lẫn nhau ngày càng trở nên khó khăn hơn. Bởi vậy, các doanh nghiệp cần tạo cho mình lợi thế cạnh tranh để tồn tại và phát triển, đó là sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong nước với nhau và sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp nước ngoài.

Vậy dựa vào đâu để có thể biết được một doanh nghiệp là đang phát triển, có khả năng phát triển hoặc đứng trước nguy cơ phá sản - chính là thông qua các con số về tình hình tài chính của doanh nghiệp. Những thông tin này chỉ có kế toán mới thu thập, tổng hợp và cung cấp được, thông qua hệ thống báo cáo tài chính do kế toán cung cấp, ta có thể biết được tình hình tài chính của doanh nghiệp như thế nào. Đồng thời, đó cũng là cơ sở để cơ quan thuế, các đối tác làm ăn và các tổ chức tài chính xem xét làm việc và hợp tác.

Việc tổ chức hạch toán kế toán của doanh nghiệp có nhiều khâu quan trọng, trong đó công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một khâu cơ bản của hạch toán kế toán trong doanh nghiệp. Bởi nó cho biết sản phẩm của doanh nghiệp được tiêu thụ như thế nào, chi phí trong quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ra sao và kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ doanh nghiệp đạt được. Những thông tin từ đây giúp cho các nhà quản trị đưa ra đối sách phù hợp.

Vì vậy, để kế toán đặc biệt là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phát huy hết vai trò chức năng của nó, cần phải biết tổ chức công tác này một cách hợp lý, khoa học và thường xuyên.

Qua thời gian thực tế tìm hiểu công tác kế toán tại đơn vị thực tập, em đã hiểu sâu hơn về công tác kế toán như thế nào và tầm quan trọng của nó. Từ kiến thức em đã được học và thực tế tìm hiểu, em quyết định chọn đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh

doanh tại Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Sản Xuất Và Thương Mại Hùng Nhung” cho bài khoá luận của mình.

Nội dung của khoá luận được trình bày trong 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Sản Xuất Và Thương Mại Hùng Nhung

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Sản Xuất Và Thương Mại Hùng Nhung. Mặc dù, được sự hướng dẫn tận tình của GV Th.S Đồng Thị Nga và các anh chị trong phòng kế toán tại Công ty đã giúp em hoàn thành bài luận của mình, song do khả năng còn hạn chế và kinh nghiệm thực tế còn ít ỏi, báo cáo của em chắc chắn sẽ không tránh khỏi sai sót. Vì vậy, em rất mong nhận được sự phê bình đóng góp ý kiến của các thầy, cô để bài luận của em được hoàn thiện hơn.

Sinh viên

Ngô Phạm Thúy Ngân

CHƯƠNG I

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1. Những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.1.1 Sự cần thiết của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

Để quản lý tốt hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí hay xác định kết quả kinh doanh nói riêng cần có nhiều công cụ khác nhau, trong đó kế toán là công cụ hữu hiệu nhất. Tổ chức công tác kế toán khoa học, hợp lý là một cơ sở để cung cấp những thông tin quan trọng cho việc chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả trong doanh nghiệp. Để công cụ kế toán phát huy hết vai trò của mình, đòi hỏi các doanh nghiệp phải không ngừng đổi mới và hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nói chung cũng như kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng trong doanh nghiệp, giúp người quản lý nắm bắt được tình hình hoạt động và đẩy mạnh việc kinh doanh có hiệu quả của doanh nghiệp. Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đối với các bên có liên quan được thể hiện như sau:

-Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp các doanh nghiệp:

- + Xác định hiệu quả của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp
- + Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp
- + Có căn cứ để thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước, thực hiện việc phân phối cũng như tái đầu tư sản xuất kinh doanh
- + Kết hợp các thông tin thu thập được với các thông tin khác để đề ra chiến lược giải pháp sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất trong tương lai.

-Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

có ý nghĩa quan trọng đối với nhà nước:

+ Trên cơ sở các số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu cho ngân sách quốc gia. Từ đó, Nhà nước tái đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đảm bảo điều kiện về chính trị - an ninh - xã hội tốt nhất.

+ Thông qua tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước của các doanh nghiệp, các nhà hoạch định chính trị quốc gia sẽ có cơ sở đề ra các giải pháp phát triển nền kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.

+ Riêng đối với các doanh nghiệp có nguồn vốn của Nhà nước, việc xác định doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không những đem lại nguồn thu cho ngân sách mà còn đảm bảo nguồn vốn đầu tư của Nhà nước không bị thất thoát.

- Đối với nhà đầu tư: thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trên báo cáo tài chính các nhà đầu tư sẽ phân tích đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp để có các quyết định đầu tư đúng đắn.

- Đối với các tổ chức tài chính trung gian: Các số liệu về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là căn cứ để ra quyết định cho vay vốn đầu tư.

- Đối với nhà cung cấp: Kết quả kinh doanh, lịch sử thanh toán là căn cứ để quyết định cho doanh nghiệp chậm thanh toán...

1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

Kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp có vai trò quan trọng cho sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Từ kết quả hoạt động kinh doanh ta có thể đưa ra những chiến lược sản xuất những phương hướng phát triển cho doanh nghiệp làm sao để nâng cao được doanh thu cho doanh nghiệp giảm chi phí đến mức thấp nhất.

Để phát huy được vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức ghi chép, theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời và giám sát chặt chẽ tình hình các khoản doanh thu và chi phí trong doanh nghiệp.

- Lựa chọn phương pháp xác định giá vốn hàng bán phù hợp với doanh nghiệp để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.

- Tham gia kiểm kê, đánh giá, lập báo cáo về tình hình tiêu thụ sản phẩm và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp.

- Xác định đúng và tập hợp đầy đủ các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp cũng như chi phí quản lý kinh doanh, phân bổ chi phí hợp lý.

- Tính toán phản ánh chính xác đầy đủ kịp thời tổng giá thanh toán của hàng bán ra bao gồm cả doanh thu bán hàng, các khoản giảm trừ doanh thu, thuế GTGT đầu ra của từng nhóm mặt hàng, từng hóa đơn, từng khách hàng.

- Ghi chép, theo dõi phản ánh kịp thời từng khoản chi phí, thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

- Lập và báo cáo kết quả kinh doanh đúng chế độ, kịp thời cung cấp các thông tin kinh tế cần thiết cho các bộ phận liên quan, đồng thời định kỳ tiến hành phân tích kinh tế đối với báo cáo kết quả kinh doanh, từ đó tham mưu cho Ban lãnh đạo về các giải pháp làm giảm chi phí, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

1.1.3. Một số khái niệm thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.3.1 Doanh thu và các loại doanh thu

- **Doanh thu:** là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** được xác định theo giá

trị hợp lý của các khoản thu tiền hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- **Doanh thu tiêu thụ nội bộ:** Là số tiền thu được do bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

- **Doanh thu tài chính:** Là các khoản thu nhập liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- **Thu nhập khác:** Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

- **Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:**

+ Chiết khấu thương mại: Là số tiền bên mua được hưởng do mua hàng với số lượng lớn theo thỏa thuận

+ Giảm giá hàng bán: Là số tiền giảm trừ cho bên mua trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng kém phẩm chất

+ Hàng bán bị trả lại: Là số sản phẩm hàng hóa bị khách hàng trả lại do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng

Ngoài ra các khoản giảm trừ doanh thu còn bao gồm:

+ Thuế tiêu thụ đặc biệt: là loại thuế đánh vào hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB

+ Thuế XK là thuế tính trên doanh thu của các sản phẩm bán ra ngoài lãnh thổ Việt Nam.

+ Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp: Là thuế tính trên giá trị gia tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ.

1.1.3.2. Chi phí và các loại chi phí

Chi phí là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một kỳ nhất định

- **Giá vốn hàng bán:** Là giá vốn thực tế xuất kho của số hàng hóa (gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ (đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế sản phẩm, lao vụ, dịch vụ hoàn thành (đối với doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ) đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

- **Chi phí quản lý kinh doanh:** Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp.

- **Chi phí tài chính:** Là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính

- **Chi phí khác:** Là các khoản chi phí phát sinh ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

1.1.3.3. Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được xác định theo từng kỳ kế toán. Kỳ kế toán để xác định lợi nhuận thường là một tháng, một quý hoặc một năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được hình thành từ tổng hợp kết quả kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh chính, hoạt động tài chính và hoạt động khác.

❖ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của các ngành SXKD chính và SXKD phụ.

❖ Kết quả hoạt động tài chính là: hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.

❖ Kết quả hoạt động khác của doanh nghiệp là: hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp

1.1.3.4 Bán hàng và các phương pháp bán hàng trong doanh nghiệp

- **Bán hàng:** Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư

- **Cung cấp dịch vụ:** Thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng theo một kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán như cho thuê TSCCĐ theo phương thức thuê hoạt động

➤ Các phương thức bán hàng

✚- Phương thức bán hàng trực tiếp

Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy, hay tại phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức coi là tiêu thụ.

✚- Phương thức chuyển hàng chờ nhận

Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Chỉ khi nào được người mua chấp nhận thanh toán một phần hay toàn bộ số hàng chuyển giao, thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ và bên bán mất quyền sở hữu.

✚- Phương thức đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng

Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán, bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng.

- **Đối với bên giao đại lý:** Doanh nghiệp giao hàng cho bên nhận đại

lý, bên đại lý sẽ trực tiếp bán hàng, thanh toán cho doanh nghiệp và nhận tiền hoa hồng. Doanh nghiệp có nhiệm vụ nộp thuế GTGT, thuế TTĐB (nếu có) trên tổng giá trị hàng gửi bán không được trừ phần hoa hồng phải trả cho bên nhận đại lý. Khoản hoa hồng được coi như khoản chi phí và được hạch toán vào TK 642 (Chi tiết 6421 – Chi phí bán hàng).

- **Đối với bên nhận đại lý:** Với số hàng bán đại lý không phải sở hữu của doanh nghiệp nhưng doanh nghiệp cũng có trách nhiệm bảo quản và bán hộ và được hưởng tiền hoa hồng như trong hợp đồng đã ký.

☞ Phương thức trả góp, trả chậm

Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền trả chậm phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua thì hàng được coi là tiêu thụ.

☞ Phương thức hàng đổi hàng không tương tự.

Khi doanh nghiệp xuất hàng trao đổi cho khách, kế toán phải ghi nhận doanh thu bán hàng và tính thuế GTGT đầu ra. Khi doanh nghiệp nhận hàng của khách kế toán ghi hàng nhập kho và tính thuế GTGT đầu vào.

☞ Phương thức bán hàng nội bộ

Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ giữa các đơn vị cấp trên với các đơn vị trực thuộc hay giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong một công ty, tổng công ty.

1.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng

- **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Là toàn bộ số tiền thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và

phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

➤ Điều kiện ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 5 điều kiện sau:

- + Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.
- + Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá.
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- + DN đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

➤ Nguyên tắc hạch toán doanh thu bán hàng

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu VAT và doanh nghiệp nộp VAT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu là giá bán chưa có VAT.

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế VAT hoặc nộp VAT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán có thuế).


- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, thuế XK thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán đã bao gồm cả thuế TTĐB hoặc thuế XK).

- Doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu số tiền thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công

- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng


- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận

vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.


 *Chứng từ kế toán sử dụng*

Tùy theo phương thức, hình thức bán hàng, phương thức thanh toán, kế toán bán hàng sử dụng các chứng từ kế toán sau:


- Hóa đơn GTGT (mẫu 01 - GTKT)
- Hóa đơn bán hàng (mẫu 02 - GTGT)
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng...
- Chứng từ liên quan khác: phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng trả lại.

 *Sổ sách kế toán sử dụng*

- Bảng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra
- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi (mẫu 14 - BH)
- Báo cáo bán hàng
- Sổ cái TK 511

 *Tài khoản sử dụng*

Phản ánh các khoản liên quan đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ kế toán sử dụng các tài khoản sau:

 **Tài khoản 511** - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ và có 4 tài khoản cấp 2

TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá

TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK5118: Doanh thu khác

Kết cấu tài khoản 511

✓ Bên nợ

+ Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ

+ Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ

+ Khoản giảm giá hàng bán bị kết chuyển cuối kỳ

+ Số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.

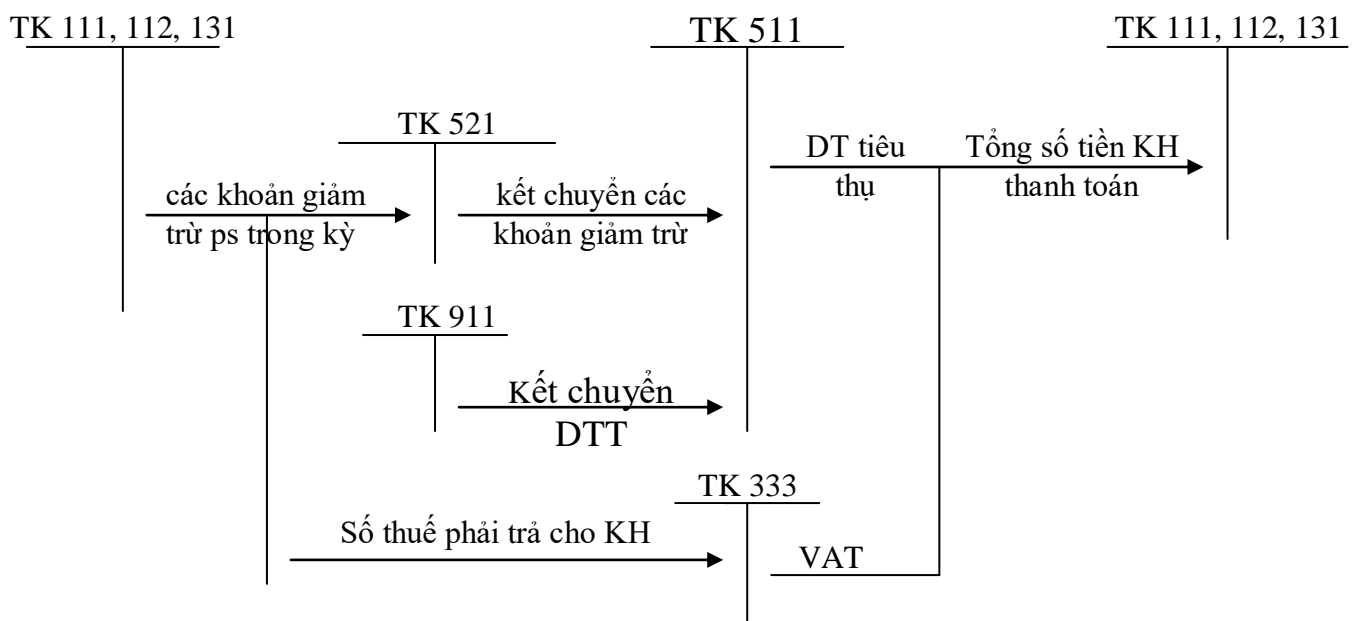
+ Số thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp

+ Kết chuyển doanh thu thuần vào TK911 để xác định kết quả kinh doanh

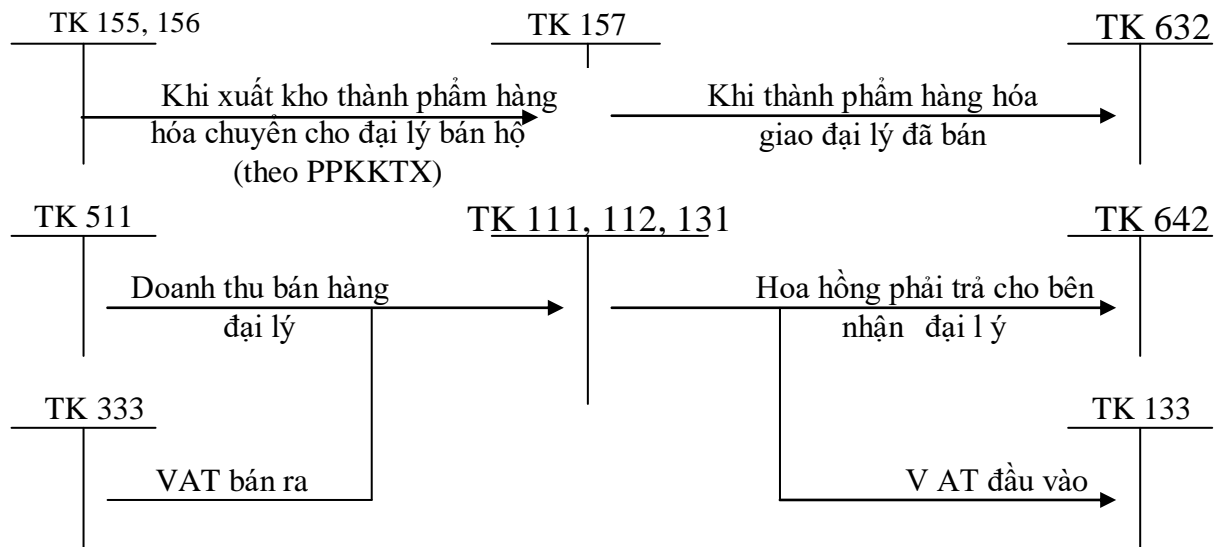
✓ Bên Có:

+ Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán

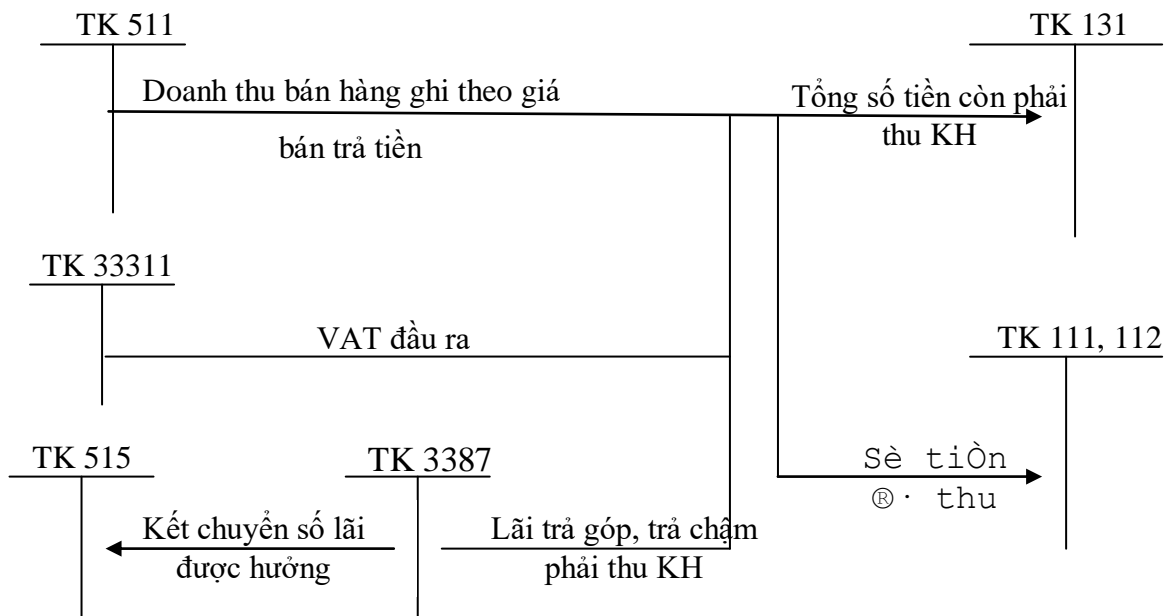
Sơ đồ 1.1: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trực tiếp



Sơ đồ 1.2. Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng.



Sơ đồ 1.3: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả góp, trả chậm



1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu như: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp, thuế TTĐB,

thuế XK được tính vào doanh thu ghi nhận ban đầu, để xác định doanh thu thuần, làm cơ sở tính kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán.

✚ **Chiết khấu thương mại:** Là khoản giảm trừ cho người mua do người mua, mua hàng với số lượng lớn theo thỏa thuận

Tài khoản sử dụng: TK 5211 - Chiết khấu thương mại

✚ **Hàng bán bị trả lại:** Là số hàng đã được coi là tiêu thụ nhưng bị người mua trả lại và từ chối do các nguyên nhân thuộc về người bán.

Tài khoản sử dụng: TK 5212 - Hàng bán bị trả lại

✚ **Giảm giá hàng bán:** Là số tiền giảm trừ cho người mua trên giá bán đã thỏa thuận do các nguyên nhân đặc biệt thuộc về người bán như hàng kém phẩm chất, hàng không đúng quy cách, hàng xấu, hàng giao không đúng hẹn.

Tài khoản sử dụng: TK 5213 - Giảm giá hàng bán

❖ **Các khoản thuế làm giảm doanh thu**

- Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp: Là thuế tính trên giá trị gia tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ

Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp được tính:

$$\text{Số thuế GTGT phải nộp} = \text{GTGT của hàng hoá, dịch vụ} \times \text{Thuế suất thuế GTGT (\%)}$$

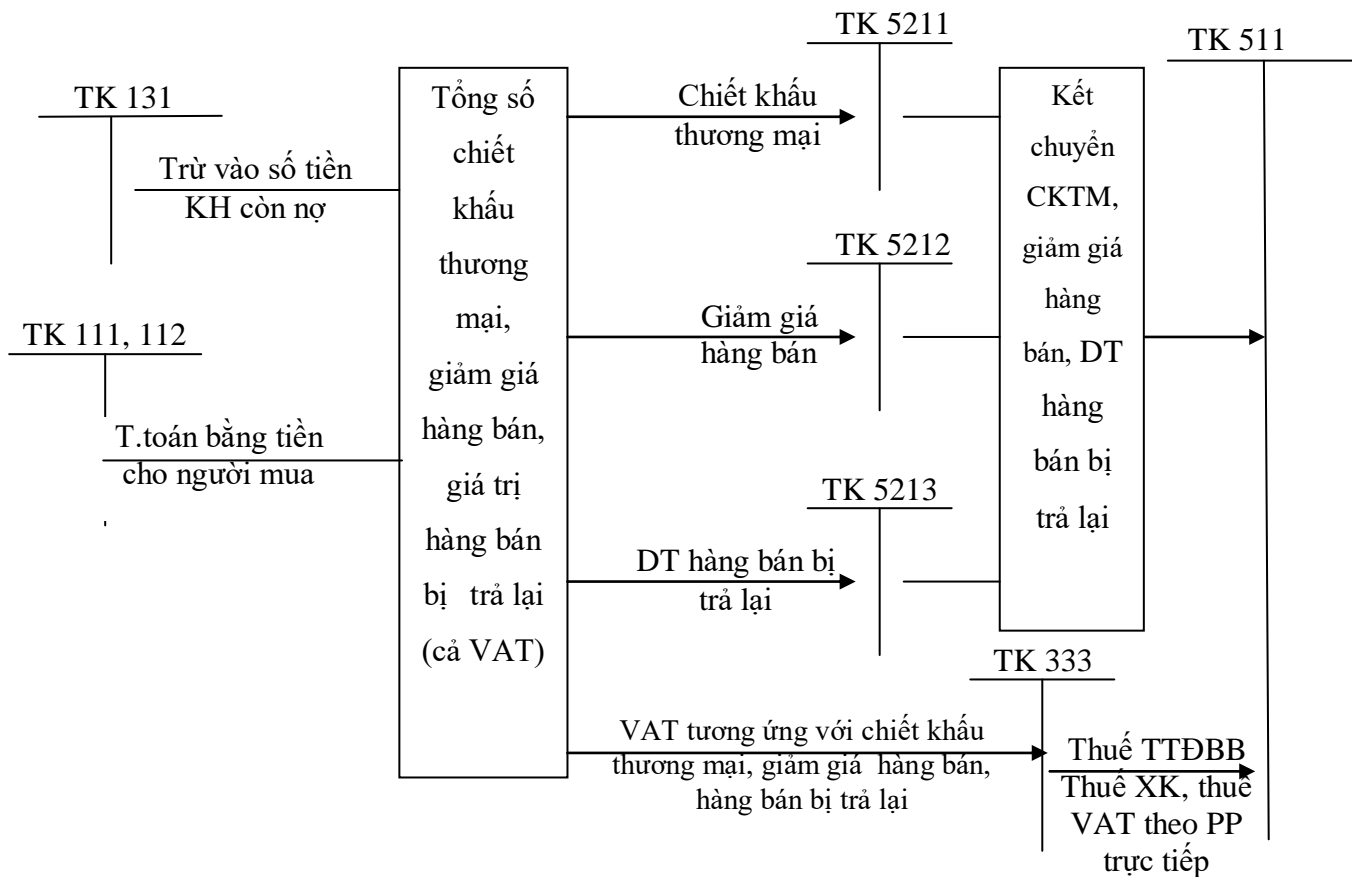
- Thuế tiêu thụ đặc biệt: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp trong trường hợp doanh nghiệp tiêu thụ những mặt hàng thuộc danh mục vật tư, hàng hoá chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

Cách tính: Thuế TTĐB phải nộp = Giá tính thuế TTĐB x Thuế suất.

- Thuế xuất khẩu: là thuế tính trên doanh thu của các sản phẩm bán ra ngoài lãnh thổ Việt Nam.

$$\text{Thuế xuất khẩu} = \text{Trị giá tính thuế} \times \text{Thuế suất thuế xuất khẩu}$$

Sơ đồ 1.4: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu



1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hoá (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Để tính giá vốn từng mặt hàng xuất kho, doanh nghiệp sử dụng một trong các phương pháp sau:

➤ **Phương pháp Nhập trước - Xuất trước (FIFO)**

Theo phương pháp này, kế toán giả định lượng hàng nhập trước sẽ được xuất trước. Xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau. Giá thực tế của hàng nhập trước sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần cuối

cùng hoặc gần cuối kỳ

➤ **Phương pháp nhập sau - xuất trước (LIFO):**

Theo phương pháp này, kế toán giá định hàng nhập sau cùng sẽ được xuất trước tiên. Xuất hết số nhập sau mới đến số nhập trước. Giá trị thực tế của hàng nhập sau sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần đầu hoặc gần đầu kỳ.

➤ **Phương pháp thực tế đích danh**

Theo phương pháp này, doanh nghiệp phải quản lý vật tư hàng hóa theo từng lô hàng. Khi xuất lô hàng nào thì lấy giá thực tế của lô hàng đó.

➤ **Phương pháp bình quân gia quyền:** theo phương pháp này trị giá hàng xuất kho được xác định bằng: Số lượng hàng xuất kho x Đơn giá bình quân

-Nếu đơn giá bình quân được tính cho cả kỳ được gọi là phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá TT tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá TT nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

-Nếu đơn giá bình quân được tính cho từng lần nhập được gọi là phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập thứ}_i = \frac{\text{Trị giá thực tế HTK sau lần nhập thứ}_i}{\text{Lượng thực tế HTK sau lần nhập thứ}_i}$$

❖. *Chứng từ sử dụng*

- Phiếu nhập kho (Mẫu 01 - VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu 02 - VT)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03 - VT)
- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKT - 3LL)
- Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu 02 GTGT - 3LL)

❖ *Tài khoản sử dụng: TK 632 - Giá vốn hàng bán.*

Kết cấu tài khoản 632

Bên Nợ:

- + Trị giá vốn thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã xuất bán trong kỳ
- + Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- + Chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư

✓ Bên Có:

- + Hoàn lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính
 - + Kết chuyển giá vốn hàng hóa đã bán sang bên nợ TK 911
- ✓ Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

*** Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên**

Phương pháp KCTX là phương pháp kế toán tổ chức ghi chép một cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho và tồn kho của hàng hóa trên từng tài khoản kế toán theo từng chứng từ nhập - xuất.

Việc xác định trị giá vốn thực tế xuất kho được căn cứ tiếp vào các chứng từ xuất kho và thông qua một trong bốn phương pháp tính trị giá vốn của hàng xuất kho đã được trình bày ở phần trên.

Trị giá vốn của hàng hóa tồn kho trên tài khoản, sổ kế toán được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

Sơ đồ hạch toán giá vốn theo phương pháp KCTX được thể hiện sơ đồ 1.5

*** Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ (KKĐK)**

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp kế toán không tổ chức ghi chép một cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho, và tồn kho của thành phẩm hàng hóa trên các tài khoản hàng tồn kho TK152,153,155... Các TK này chỉ phản ánh trị giá vốn của hàng hóa đầu kỳ và cuối kỳ.

Phương pháp KKĐK phản ánh trị giá vốn thực tế của hàng hóa nhập kho, Mua hàng, xác định trị giá vốn của hàng hóa xuất kho không căn cứ vào các

chứng từ xuất kho, mà căn cứ vào kết quả kiểm kê cuối kỳ và tính theo công thức:

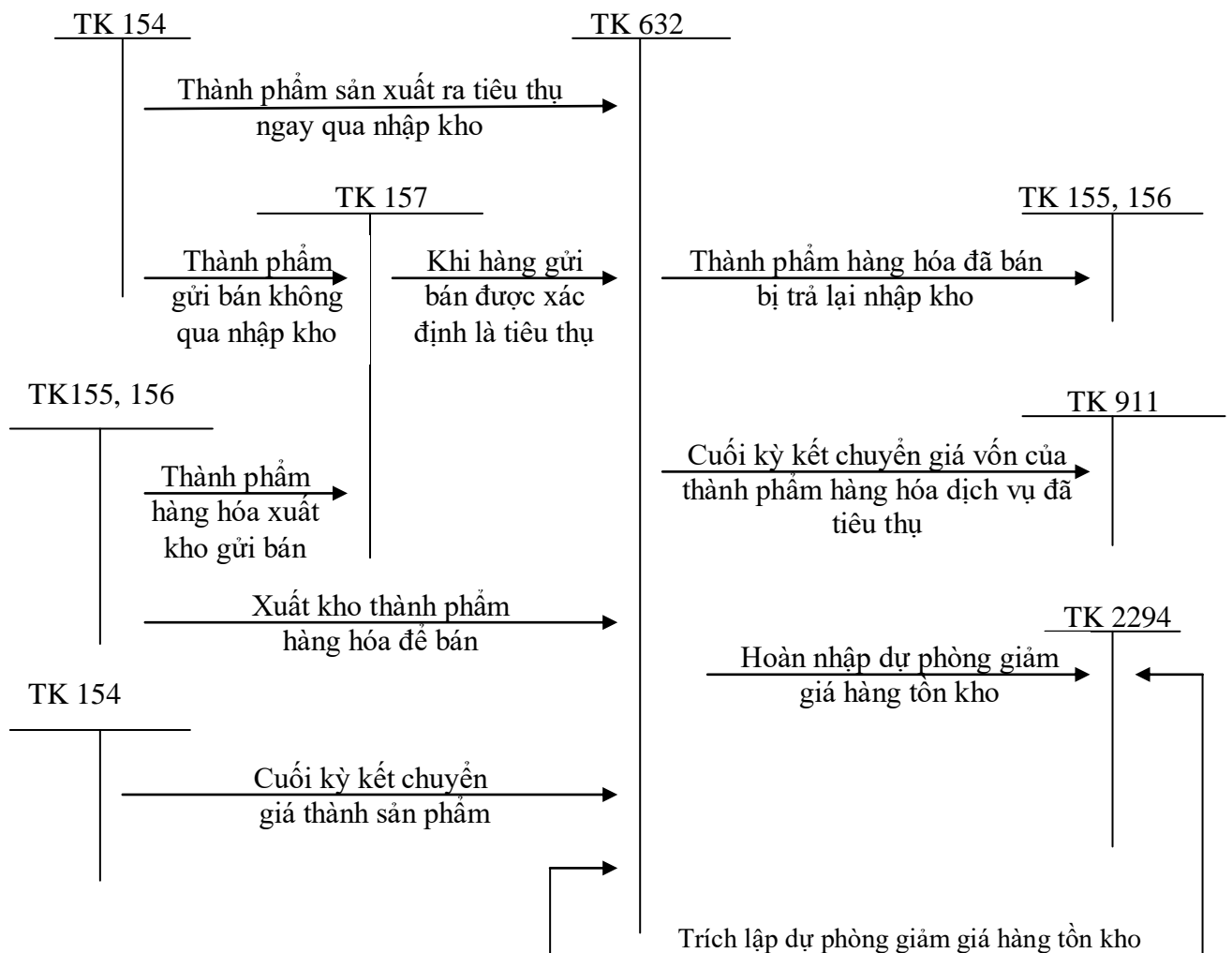
$$\begin{matrix} \text{Số lượng} \\ \text{hàng xuất} \\ \text{kho} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{Số lượng hàng} \\ \text{tồn đầu kỳ} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Số lượng hàng} \\ \text{nhập đầu kỳ} \end{matrix} - \begin{matrix} \text{Số lượng hàng} \\ \text{tồn cuối kỳ} \end{matrix}$$

Căn cứ vào đơn giá xuất kho theo phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho đã chọn để xác định giá vốn thực tế của hàng xuất kho.

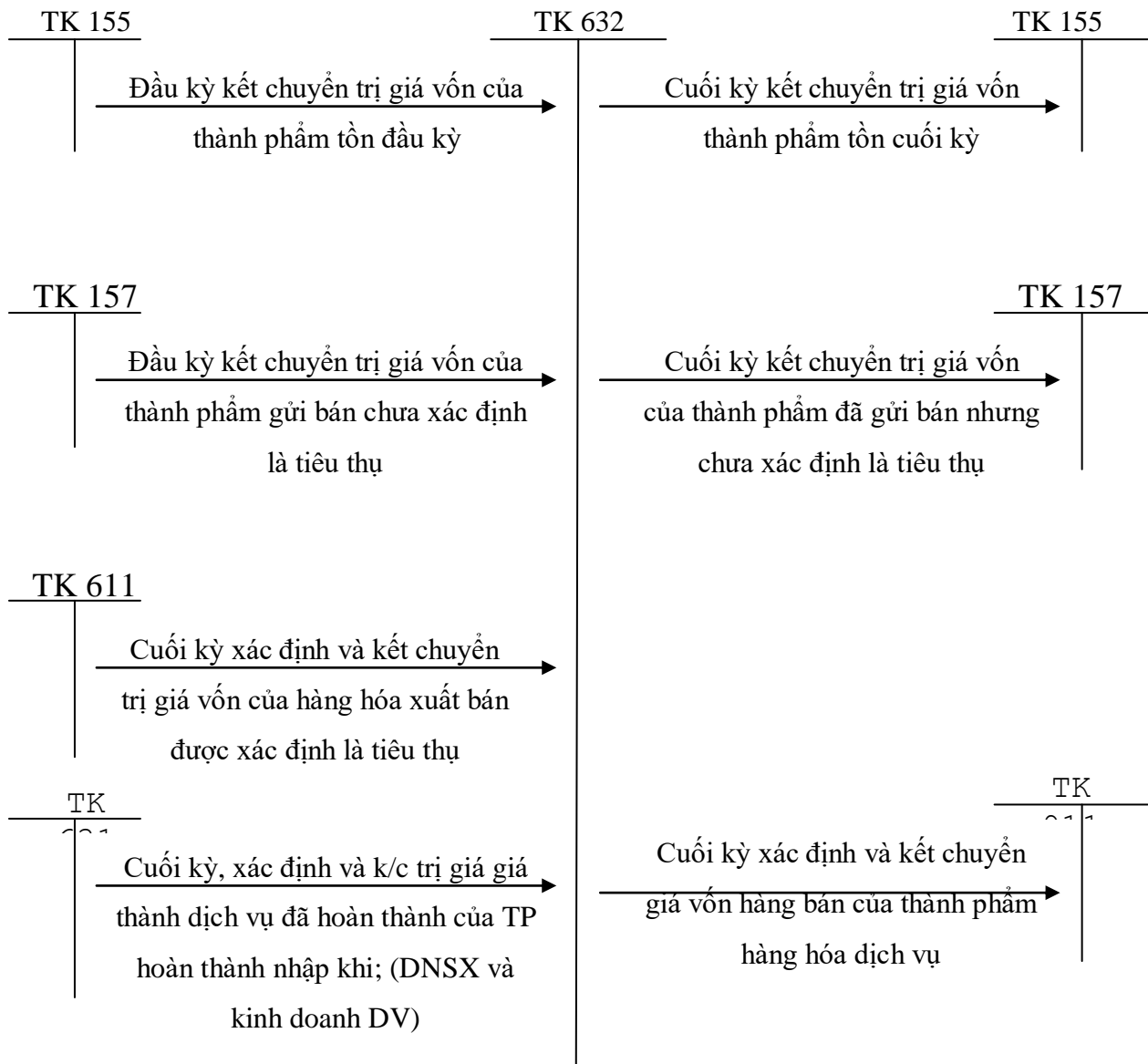
$$\begin{matrix} \text{Giá trị} \\ \text{vốn của} \\ \text{hàng} \\ \text{bán} \\ \text{trong kỳ} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{Trị giá} \\ \text{thực tế} \\ \text{của HH} \\ \text{tồn kho} \\ \text{đầu kỳ} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Trị giá vốn} \\ \text{của HH gửi} \\ \text{bán chưa} \\ \text{xác định tiêu} \\ \text{thụ đầu kỳ} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Trị giá thực} \\ \text{tế của HH} \\ \text{nhập kho} \\ \text{trong kỳ} \end{matrix} - \begin{matrix} \text{Trị giá} \\ \text{thực tế của} \\ \text{HH tồn} \\ \text{kho cuối kỳ} \end{matrix} - \begin{matrix} \text{Trị giá vốn} \\ \text{thực tế của} \\ \text{HH gửi bán} \\ \text{chưa xác định} \\ \text{là tiêu thụ cuối} \\ \text{kỳ} \end{matrix}$$

Sơ đồ hạch toán giá vốn theo phương pháp KKĐK được thể hiện sơ đồ 1.6

Sơ đồ 1.5: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKTX



Sơ đồ 1.6: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKĐK



1.2.3. Kế toán Chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm: Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, trong đó

A) Kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng: Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ.

Chi phí bán hàng bao gồm các khoản như sau:

- Chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm

- Chi phí bảo quản đóng gói, vận chuyển hàng hóa
- Chi phí nhân viên bán hàng
- Chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ công tác bán hàng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài...

❖ *Tài khoản kế toán sử dụng:*

Tài khoản 6421 – Chi phí bán hàng

B) Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các khoản như sau:

- Lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp...) bảo hiểm xã hội, y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp,

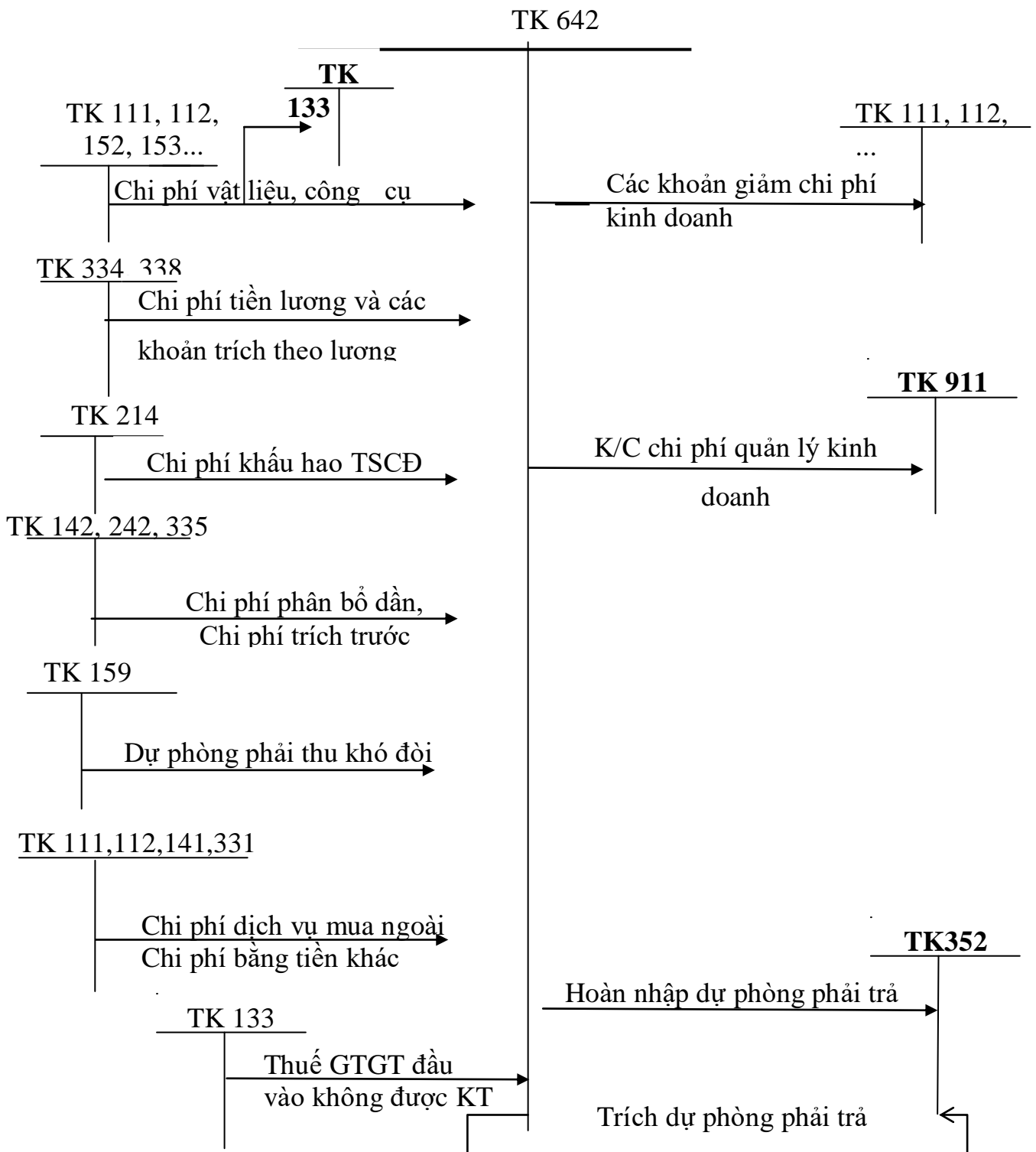
- Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động,
- Khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp
- Tiền thuê đất, thuế môn bài, các khoản lập dự phòng phải thu khó đòi
- Dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác...

❖ *Tài khoản kế toán sử dụng:*

Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp:

❖ Phương pháp hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh



1.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính**1.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản doanh thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn đưa lại, bao gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn
- Thu nhập về thu hồi, hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác
- Lãi tỷ giá hối đoái
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn
- Chênh lệch lãi các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác
- ❖ Chứng từ sử dụng:
 - Phiếu thu
 - Giấy báo có
 - Các chứng từ khác liên quan
- ❖ Tài khoản sử dụng: TK 515: “Doanh thu hoạt động tài chính”
- ❖ Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính được thể hiện

qua sơ đồ 1.8

1.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

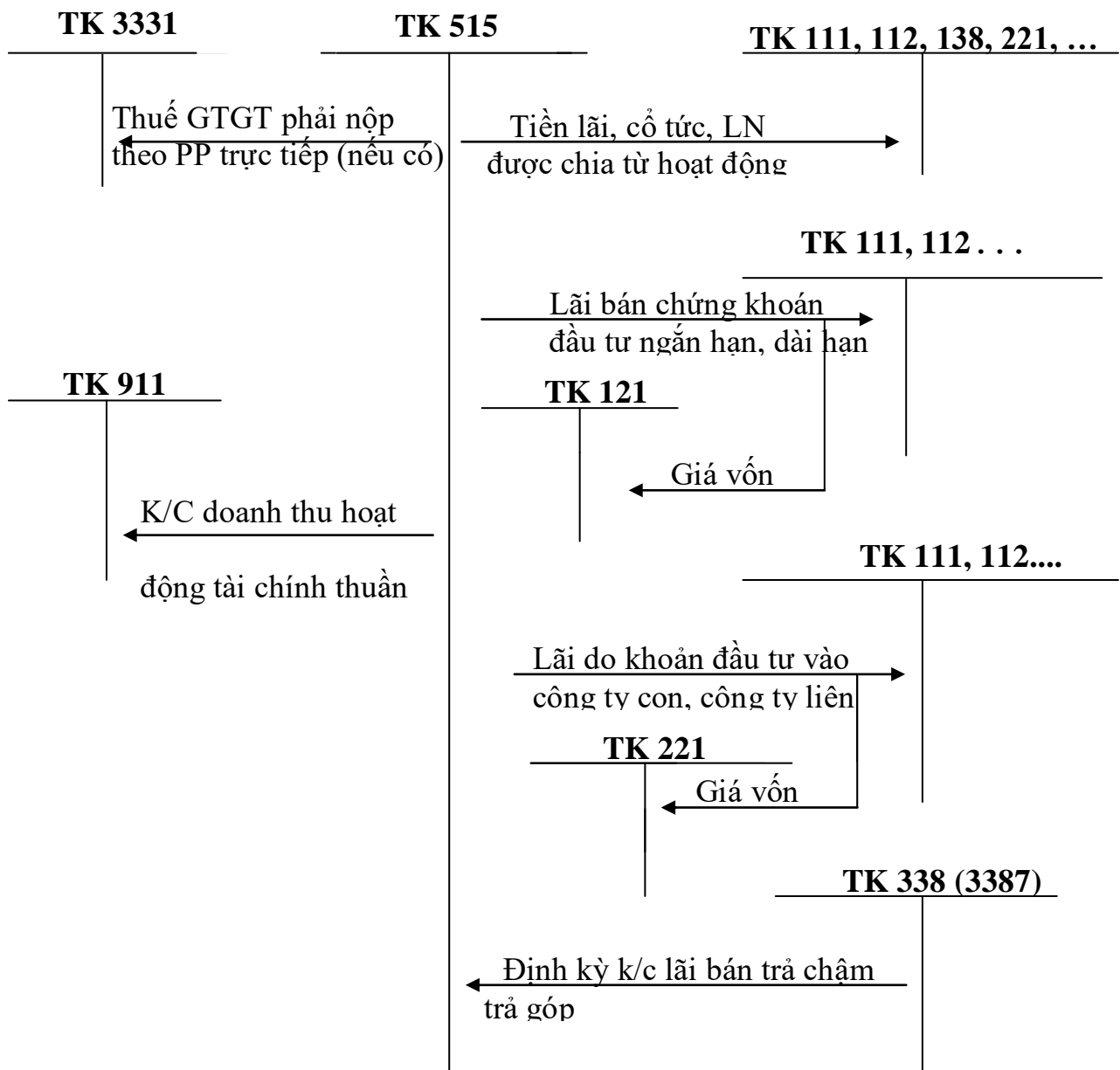
Chi phí tài chính là các khoản chi phí đầu tư tài chính ra ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý các nguồn vốn, tăng thêm thu nhập nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm những nội dung sau:

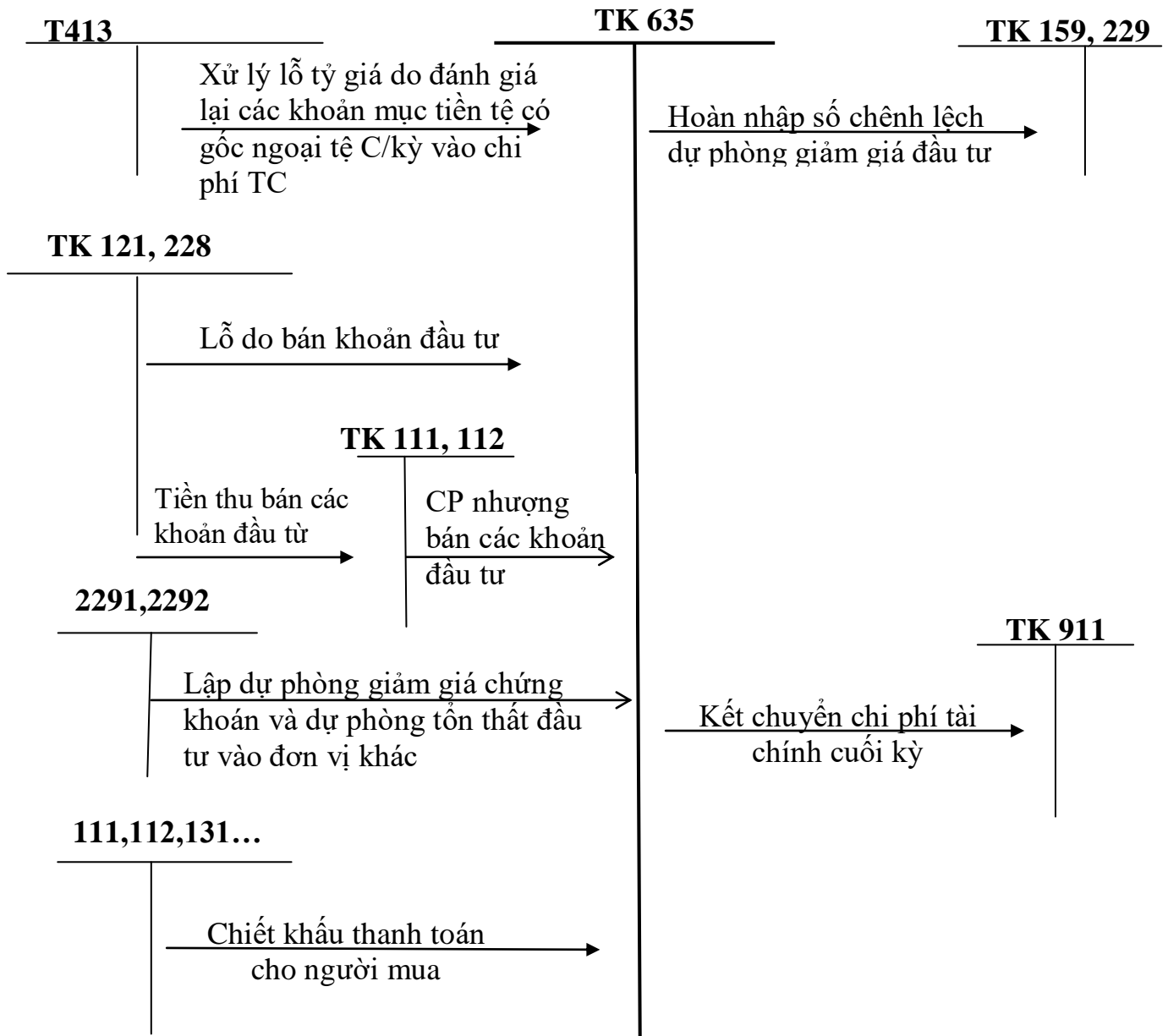
- Chi phí lãi vay phải trả, lãi mua hàng theo hình thức trả góp
- Chiết khấu thanh toán được hưởng

- Lỗ từ nhượng bán chứng khoán
- Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn
- Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái...
- ❖Chứng từ sử dụng:
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Các chứng từ khác liên quan
- ❖Tài khoản sử dụng: TK 635: “Chi phí hoạt động tài chính”

Sơ đồ 1.8: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



Sơ đồ 1.9: Kế toán chi phí hoạt động tài chính



1.2.5. Kế toán thu nhập, chi phí khác

1.2.5.1. Kế toán thu nhập khác

Thu nhập khác: Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

Thu nhập khác của doanh nghiệp gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ nay đòi được
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
- Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót hay quên ghi sổ kế toán, năm nay mới phát hiện ra,...

❖ Chứng từ sử dụng

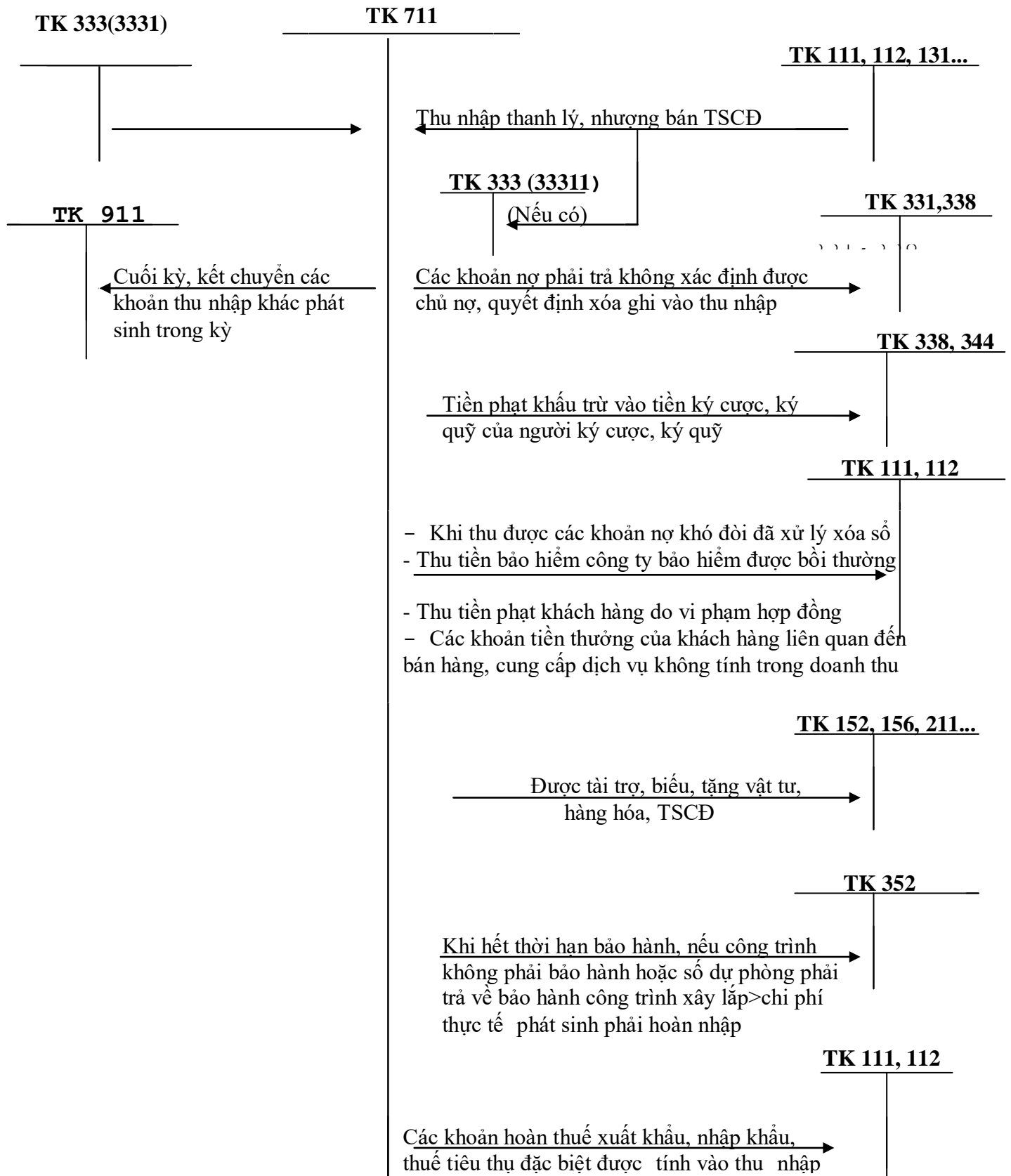
Phiếu thu, phiếu kế toán, biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ

❖ Tài khoản sử dụng

TK 711 "Thu nhập khác"

Phương pháp hạch toán thu nhập khác được thể hiện qua **sơ đồ 1.10**

Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác



1.2.5.2. Kế toán chi phí khác

Chi phí khác: là các khoản chi phí phát sinh ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường

Chi phí khác phát sinh, gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;

- Bị phạt thuế, truy nộp thuế;

- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán;

- Các khoản chi phí khác.

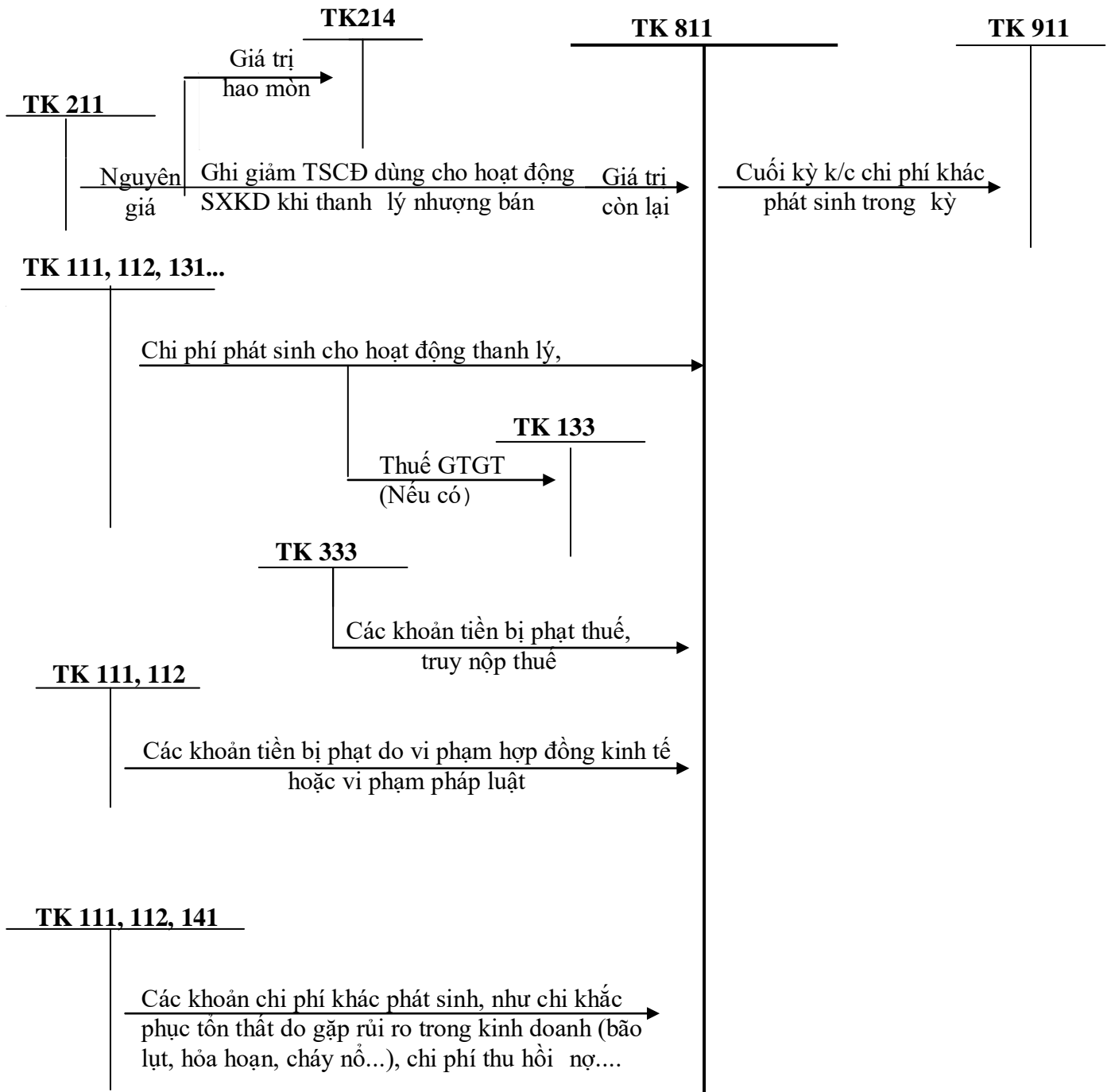
❖ Chứng từ sử dụng

Phiếu chi, phiếu kế toán, biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ

❖ Tài khoản sử dụng

Tài khoản kế toán sử dụng: TK 811- "Chi phí khác"

Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán chi phí khác



1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.6.1. Nội dung xác định kết quả kinh doanh

➤ **Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp**

Kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (lãi hoặc lỗ) được xác định trên cơ sở tổng hợp tất cả kết quả của mọi hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.

$$\text{Doanh thu thuần} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Chiết khấu thương mại} - \text{Giảm giá hàng bán} - \text{Hàng bán bị trả lại} - \text{Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu (nếu có)}$$

$$\text{Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Giá vốn hàng bán}$$

$$\text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Chi phí quản lý kinh doanh}$$

➤ **Kết quả từ thu nhập hoạt động tài chính**

$$\text{Lợi nhuận từ hoạt động tài chính} = \text{Thu nhập hoạt động tài chính} - \text{Chi phí hoạt động tài chính}$$

➤ **Kết quả từ thu nhập hoạt động khác**

$$\text{Lợi nhuận từ hoạt động khác} = \text{Thu nhập từ hoạt động khác} - \text{Chi phí cho hoạt động khác}$$

1.2.6.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

❖ Chứng từ sử dụng Phiếu kế toán

❖ Tài khoản sử dụng: TK 911- Xác định kết quả kinh doanh

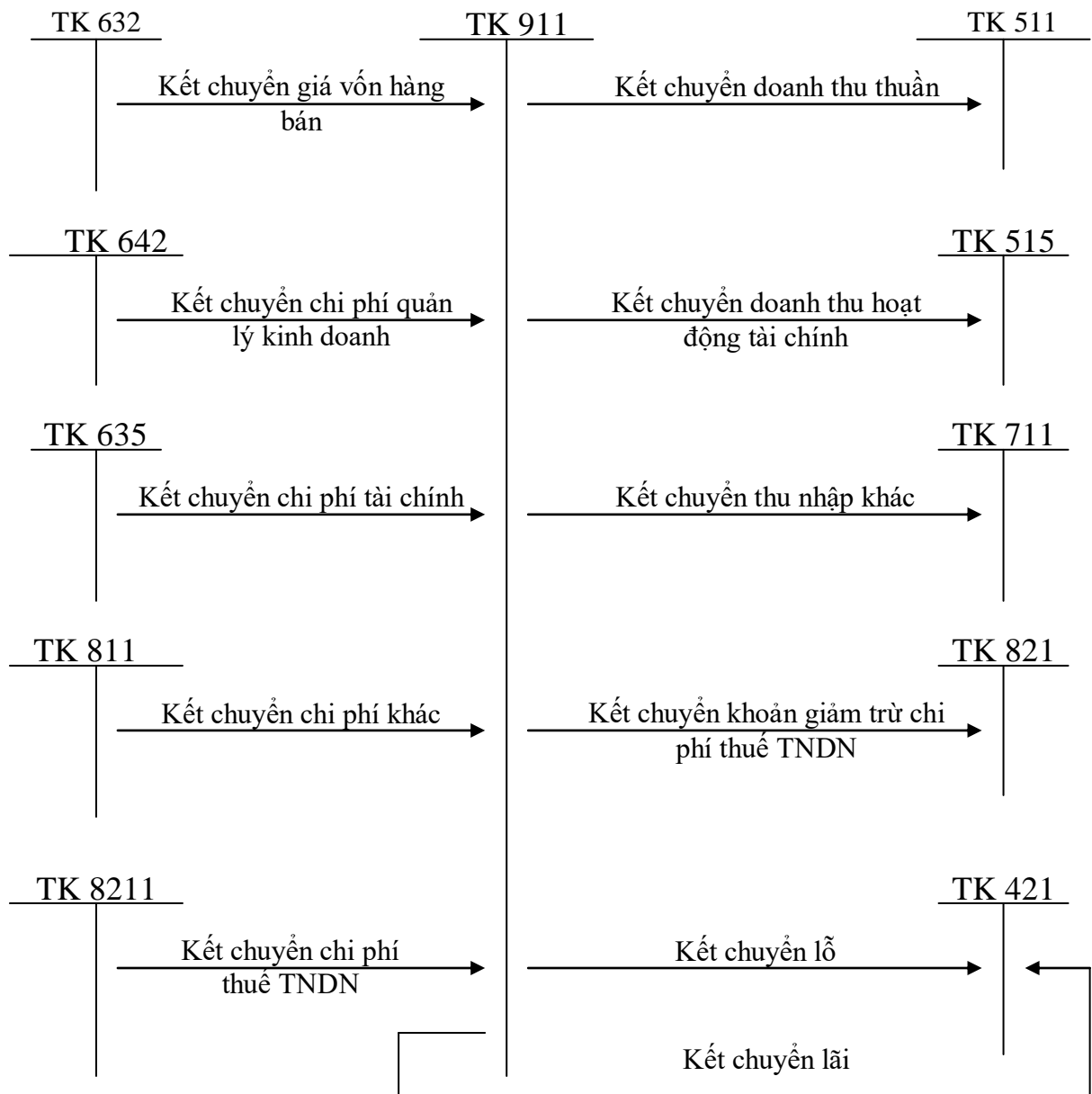
❖ **Kết cấu tài khoản 911**

✓ Bên nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.

- Chi phí quản lý kinh doanh

- Chi phí tài chính, chi phí khác
- Chi phí thuế TNDN.
- Kết chuyển lãi.
- ✓ Bên có:
 - Doanh thu thuần của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.
 - Doanh thu hoạt động tài chính.
 - Thu nhập khác.
 - Khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN.
 - Kết chuyển lỗ.
- ✓ Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ.



1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Sổ kế toán tổng hợp: Tùy theo từng hình thức kế toán mà doanh nghiệp áp dụng, kế toán sẽ tổ chức hệ thống sổ kế toán tương ứng với từng hình thức để thực hiện kế toán các chỉ tiêu tổng hợp về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh. Nhưng ở hình thức nào cũng có chung hình thức sổ cái tổng hợp, mỗi tài khoản kế toán tổng hợp được mở một sổ cái và nó đều phản ánh một chỉ tiêu về chi phí sản xuất sản phẩm. Nó cung cấp các chỉ tiêu thông tin để lập báo cáo tài chính. Cụ thể:

- Theo hình thức kế toán “Chứng từ ghi sổ”, thì sổ kế toán tổng hợp bao gồm sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái TK 511, TK632, TK642, TK 154.

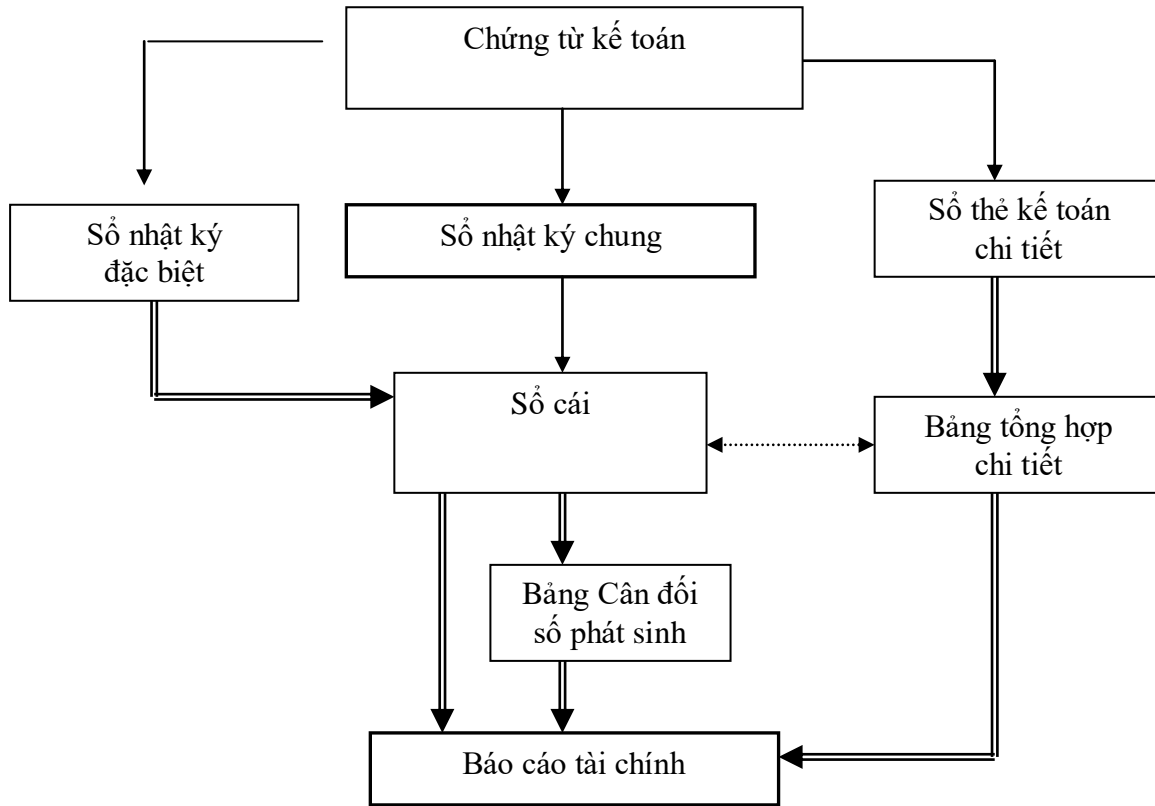
- Theo hình thức kế toán “Nhật ký chứng từ”, hệ thống sổ kế toán tập hợp là các nhật ký chứng từ, sổ cái TK 511, TK632, TK642, TK 154, các bảng kê và bảng phân bổ.

- Theo hình thức kế toán “nhật ký chung”, hệ thống sổ kế toán tổng hợp bao gồm: sổ nhật ký chung, các sổ nhật ký chuyên dùng, sổ cái TK 511, TK632, TK642, TK 154.

Sổ kế toán chi tiết: Tùy theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh mà kế toán sẽ mở các sổ chi tiết để kế toán các chỉ tiêu chi tiết về doanh thu, chi phí đáp ứng yêu cầu sử dụng thông tin về các doanh nghiệp.

Theo thông tư số 133/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung được thể hiện qua sơ đồ sau:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào

các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung.

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HÙNG NHUNG

2.1. Khái quát chung về Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Và Thương Mại Hùng Nhung

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

- Tên công ty: Công ty Cổ Phần Sản Xuất và Thương Mại Hùng Nhung
- Địa chỉ: **Số 13 lô 28B KĐT M, đường Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng**
- Số TK: **102016001647275**
- Ngân hàng: **ACB**
- Tên giao dịch: **HUNG NHUNG JSC**
- Giấy phép kinh doanh: 0200784506 - ngày cấp: 15/01/2008
- Ngày hoạt động: 25/09/2009
- Điện thoại: **0313550505** - Fax: **0313550505**
- Giám đốc: **ĐINH THỊ THÚY NGA**

- Vốn điều lệ của công ty: 10.000.000.000 VND. Trong đó: vốn góp của bà Đinh Thị Thúy Nga là 9.200.000.000 VND chiếm tỷ trọng: 94%. Cổ đông khác là bà Lê Thị Oanh 400.000.000 VND chiếm tỷ trọng: 4% và bà Nguyễn Thị Hường 400.000.000 VND chiếm tỉ trọng 4%.

- Quá trình hình thành và phát triển của công ty cổ phần sản xuất và thương mại Hùng Nhung.

Công ty được thành lập 2009 gặp một số khó khăn ban đầu nhưng nhờ không ngừng nâng cao hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh, mở rộng quy mô sản xuất, tạo thế đứng và giữ chữ tín với khách hàng, công ty không ngừng tự khẳng định vị trí của mình trong ngành sản xuất và thương mại. Những năm qua công ty luôn được đánh giá là hoàn thành tốt các nhiệm vụ, chỉ tiêu mà các

kỳ đại hội đồng cổ đông giao với sản lượng hàng năm càng tăng trưởng, hoàn thành tốt nhiệm vụ thu nộp ngân sách cho nhà nước, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động và cổ tức cho các cổ đông.

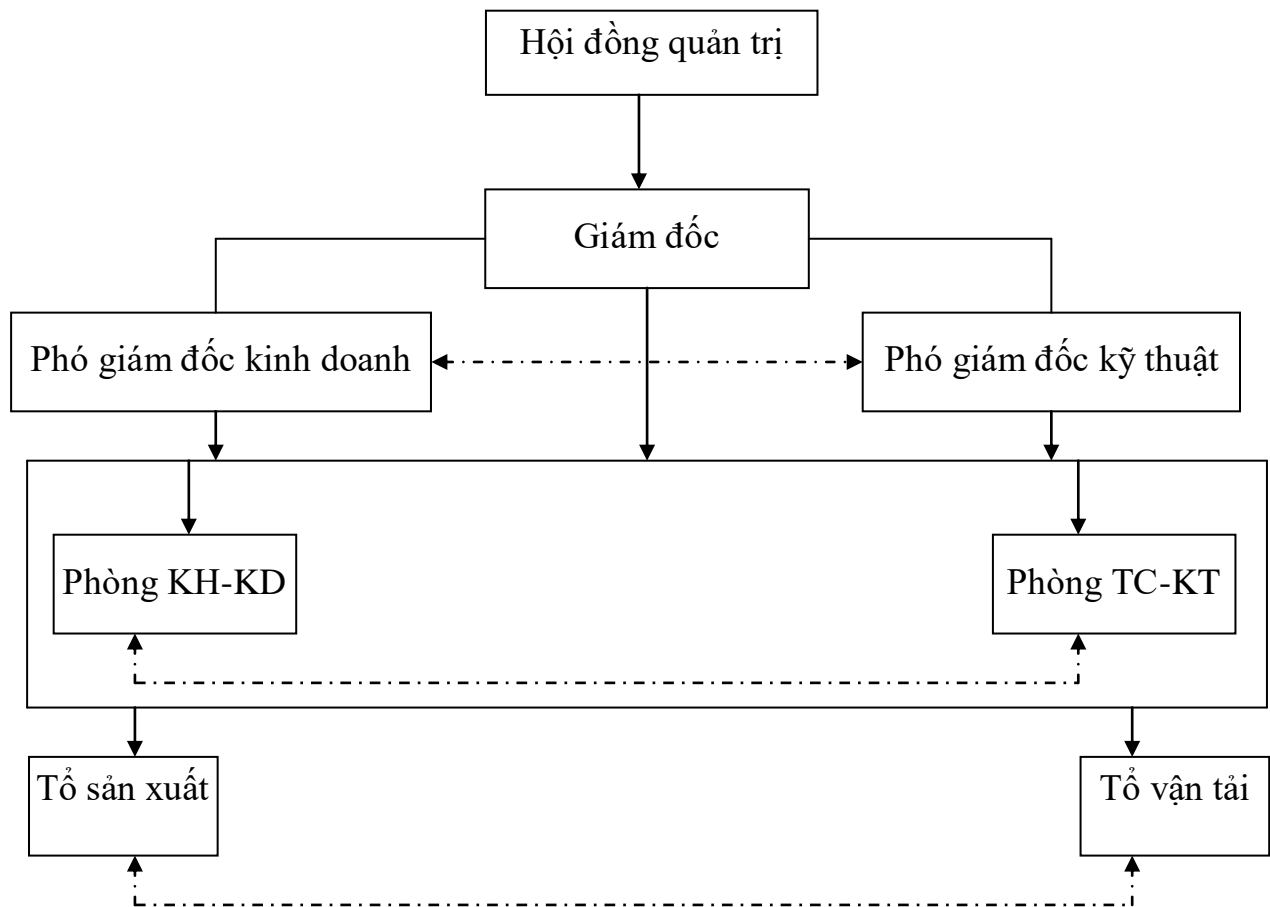
- Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của công ty

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Khai thác than đá, than non
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Bán mô tô, xe máy
- Chi tiết: Mua bán xe máy các loại
- Xây dựng nhà các loại
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
- Xây dựng công trình

2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty Cổ phần Sản Xuất Và Thương Mại Hùng Nhung

Mô hình bộ máy quản lý của Công ty Cổ Phần sản xuất và thương mại Hùng Nhung được tổ chức theo kiểu trực tuyến chức năng. Cán bộ, công nhân viên của Công ty, hầu hết đã qua các trường lớp đào tạo cơ bản, có trình độ vững vàng, có kinh nghiệm thực tế, ban giám đốc công ty có sự năng động, nhạy bén trong công tác quản lý, nắm bắt thị trường.

Biểu số 2.1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Hùng Nhung



Chức năng nhiệm vụ các bộ phận:

- **Hội đồng quản trị (HĐQT):** Gồm 2 thành viên cổ đông HĐQT có trách nhiệm lập chương trình kế hoạch hoạt động của HĐQT, quy định quy chế làm việc của HĐQT và phân công công tác cho các thành viên HĐQT, chuẩn bị nội dung nghị sự, tài liệu thảo luận và biểu quyết các văn bản thuộc quyền HĐQT hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

- **Giám đốc:** Là người có quyền lãnh đạo cao nhất, đồng thời là người chịu trách nhiệm chung về mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đứng ra giải quyết những vấn đề có tính chiến lược. Ngoài ra, giám đốc còn chịu trách nhiệm trước nhà nước về mọi mặt hoạt động của công ty.

- **Phó giám đốc:** là người giúp việc đắc lực cho giám đốc, được uỷ quyền trực tiếp điều hành chỉ huy sản xuất kinh doanh triển khai thực hiện các quyết

định của giám đốc quy định chế độ nội dung báo cáo của cấp dưới cho mình để tổng hợp vào báo cáo tình hình thực hiện cho giám đốc.

- **Phòng tài chính kế toán:** Thực hiện chức năng về quản lý tài chính, hạch toán kế toán, điều hành và phân phối vốn, tổ chức ghi chép, phản ánh số liệu, tình hình luân chuyển và sử dụng tài khoản, tiền vốn quá trình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cung cấp số liệu tài liệu cho giám đốc để điều hành sản xuất kinh doanh, phân tích hoạt động kinh tế tài chính, ngăn ngừa hành vi tham ô, vi phạm chính sách chế độ kỹ thuật kinh tế và tài chính của công ty.

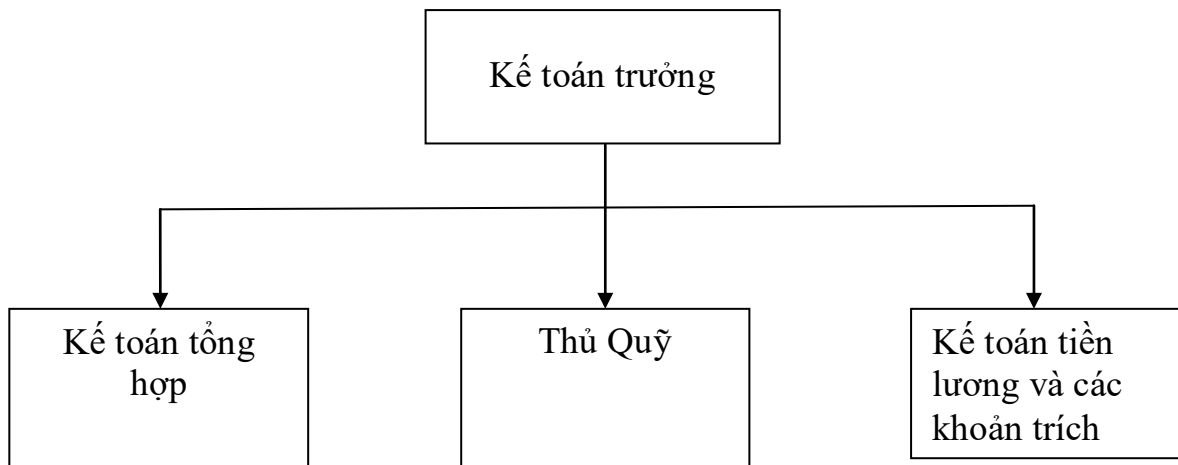
- **Phòng kế hoạch kinh doanh:** Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý, năm. Tham gia khai thác thị trường tạo kiếm khách hàng, mở rộng thị trường tạo việc làm tăng thu nhập cho người lao động

2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Hùng Nhung

2.1.3.1 Tổ chức bộ máy kế toán

Do đặc điểm của mỗi công ty khác nhau lên cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của mỗi công ty là khác nhau. Và để phù hợp với hoàn cảnh của mình Công ty đã xây dựng cho mình một bộ máy kế toán phù hợp với yêu cầu cũng như đặc thù riêng của công ty mình. Bộ máy kế toán được phản ánh qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.2. Bộ máy kế toán



***Kế toán trưởng :**

Là người đứng đầu bộ phận kế toán; phụ trách, chỉ đạo chung và tham mưu chính cho lãnh đạo về tài chính và các chiến lược tài chính, kế toán cho doanh nghiệp. Kế toán trưởng là người hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, điều chỉnh những công việc mà các kế toán viên đã làm sao cho hợp lý nhất.

*** Kế toán tiền lương:**

Có nhiệm vụ căn cứ vào bảng chấm công của từng đội, xí nghiệp để lập bảng thanh toán lương và các khoản phụ cấp cho các đối tượng cụ thể trong doanh nghiệp. Trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN theo đúng tỷ lệ quy định.

***Kế toán tổng hợp :**

Bộ phận này thực hiện các phần kế toán còn lại chưa phân công cho các bộ phận trên, tổng hợp các phần hành kế toán để hoàn thiện công tác kế toán.

Thực hiện các định khoản khoá sổ cuối kỳ. Kiểm tra số liệu của các bộ phận khác chuyển sang để phục vụ cho việc khoá sổ, lập báo cáo kế toán nội bộ có liên quan và kiểm tra các báo cáo nội bộ của các bộ phận khác chuyển đến.

- Lập bảng cân đối tài khoản, báo cáo tài chính, phân tích kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, báo cáo các khoản thanh toán với thuế, BHXH, BHYT, KPCĐ (Hàng tháng, quý, năm...

***Thủ quỹ:**

- Có chức năng nhiệm vụ Giám đốc đồng vốn của Công ty, là người nắm giữ tiền mặt của Công ty. Thủ quỹ căn cứ vào phiếu thu chi hợp lệ để nhập và xuất quỹ. Tuyệt đối không được tiết lộ tình hình tài chính của Công ty cho người không có thẩm quyền.

2.1.3.2 Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ tài khoản kế toán

Công ty thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản, chế độ chứng từ theo quy định về hệ thống tài khoản do Bộ tài chính ban hành theo Thông tư 133 TT-BTC ngày 26/082016 của Bộ trưởng BTC.

2.1.3.3 Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 cùng năm
- Đơn vị tiền tệ sử dụng ghi chép là: Đồng Việt Nam
- Phương pháp khấu hao: Theo phương pháp khấu hao đường thẳng
- Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

2.1.3.4 Tổ chức hệ thống sổ sách và hình thức kế toán áp dụng tại Công ty:

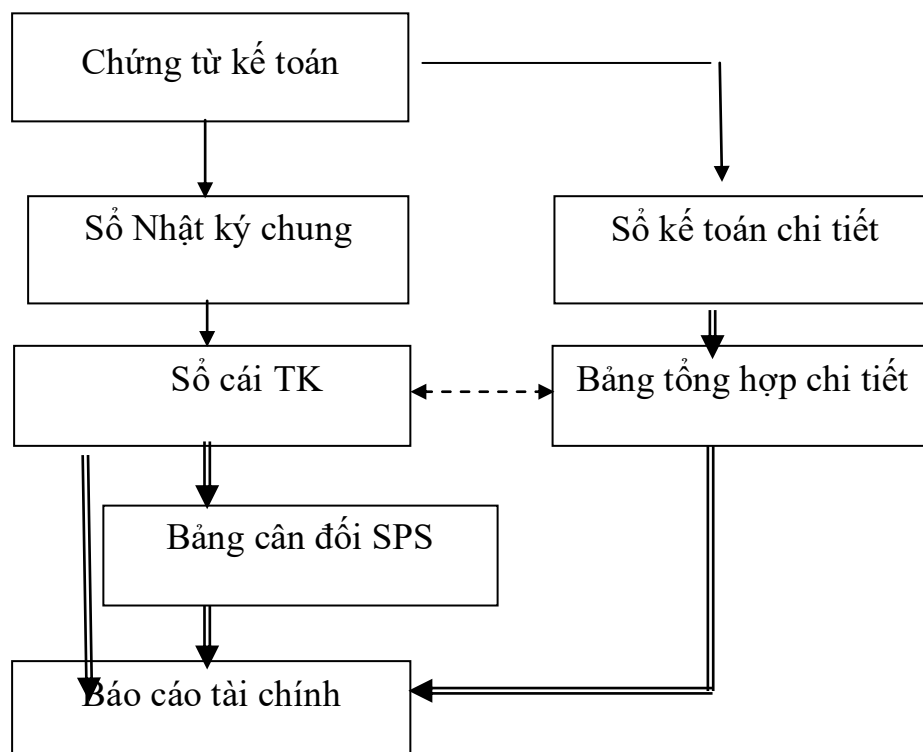
Công ty áp dụng phương pháp kế toán theo hình thức Nhật ký chung để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong niên độ.

❖ Sổ sách sử dụng:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ chi tiết TK131,112
- Sổ cái các TK511,111,112,632,642,515,635,911....
- Bảng tổng hợp chi tiết TK131,152

Trình tự ghi sổ theo hình thức nhật ký chung được lập theo **sơ đồ 2.3** (trang bên)

Sơ đồ 2.3 : Trình tự kế toán theo hình thức Nhật Ký Chung



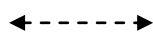
Ghi chú:



Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ



Đối chiếu, kiểm tra

- Hàng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ gốc ghi vào sổ nhật ký chung, sổ thẻ kế toán chi tiết. Từ sổ nhật ký chung kế toán tiến hành ghi vào các sổ cái có liên quan.

- Cuối năm từ sổ cái các tài khoản liên quan kế toán tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi khóa sổ đối chiếu số liệu giữa các sổ sách, kế toán căn cứ vào số liệu trong các sổ để tiến hành lập báo cáo tài chính của năm kế toán.

Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán

Báo cáo tài chính của công ty được lập vào cuối mỗi năm.

Hệ thống báo cáo tài chính của Công ty bao gồm

- Bảng cân đối tài khoản
- Bảng cân đối kế toán - Mẫu B01- DNN
- Bảng báo cáo kết quả kinh doanh - Mẫu B02 - DNN
- Thuyết minh báo cáo tài chính - Mẫu B09 - DNN

Ngoài ra công ty còn lập các báo cáo kế toán khác theo yêu cầu của nhà nước như báo cáo thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp... và theo yêu cầu quản trị của doanh nghiệp.

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Hùng Nhung

- Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty: Là một doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ, công ty có doanh thu chủ yếu từ cung cấp các sản phẩm dịch vụ như hoạt động vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

- Phương thức cung cấp dịch vụ tại công ty là đa phương thức. Hợp đồng cung cấp dịch vụ được ký giữa các bên cung cấp dịch vụ và bên nhận dịch vụ.

- Hình thức thanh toán sẽ được thực hiện:

+ Hình thức thanh toán ngay: khi công ty cung cấp dịch vụ cho khách hàng, công ty thu được tiền ngay (tiền mặt, tiền gửi ngân hàng...)

+ Hình thức thanh toán chậm: Khi công ty cung cấp dịch vụ cho khách

hàng, công ty chưa thu được tiền ngay, vì vậy kế toán phải theo dõi công nợ phải thu qua sổ chi tiết TK 131, sổ tổng hợp chi tiết TK 131, sổ cái TK 131.

❖ Chứng từ sổ sách và tài khoản sử dụng

Đề hạch toán doanh thu bán hàng và thuế GTGT, kế toán sử dụng các tài khoản sau:

- TK 511: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 133 : Thuế GTGT được khấu trừ
- TK 111, 112 : Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng
- TK 131 : Phải thu của khách hàng

Trong công tác kế toán tiêu thụ, chứng từ ban đầu được sử dụng để hạch toán là:

- Hóa đơn GTGT, phiếu thu...
- Giấy báo có của ngân hàng
- Chứng từ khác có liên quan (nếu có).

Sổ chi tiết được sử dụng: Sổ chi tiết phải thu khách hàng

Các sổ tổng hợp: Sổ cái các tài khoản chi phí, doanh thu, sổ theo dõi tình hình thanh toán của khách hàng.

- Trình tự hạch toán

Khi phát sinh nghiệp vụ kế toán, kế toán tiến hành viết hóa đơn cho khách hàng (Hóa đơn GTGT)

- Hóa đơn GTGT được lập thành 3 liên

Liên 1: Màu tím, lưu tại cuống gốc để tại phòng kế toán.

Liên 2: Màu đỏ, chuyển cho khách hàng làm chứng từ thanh toán.

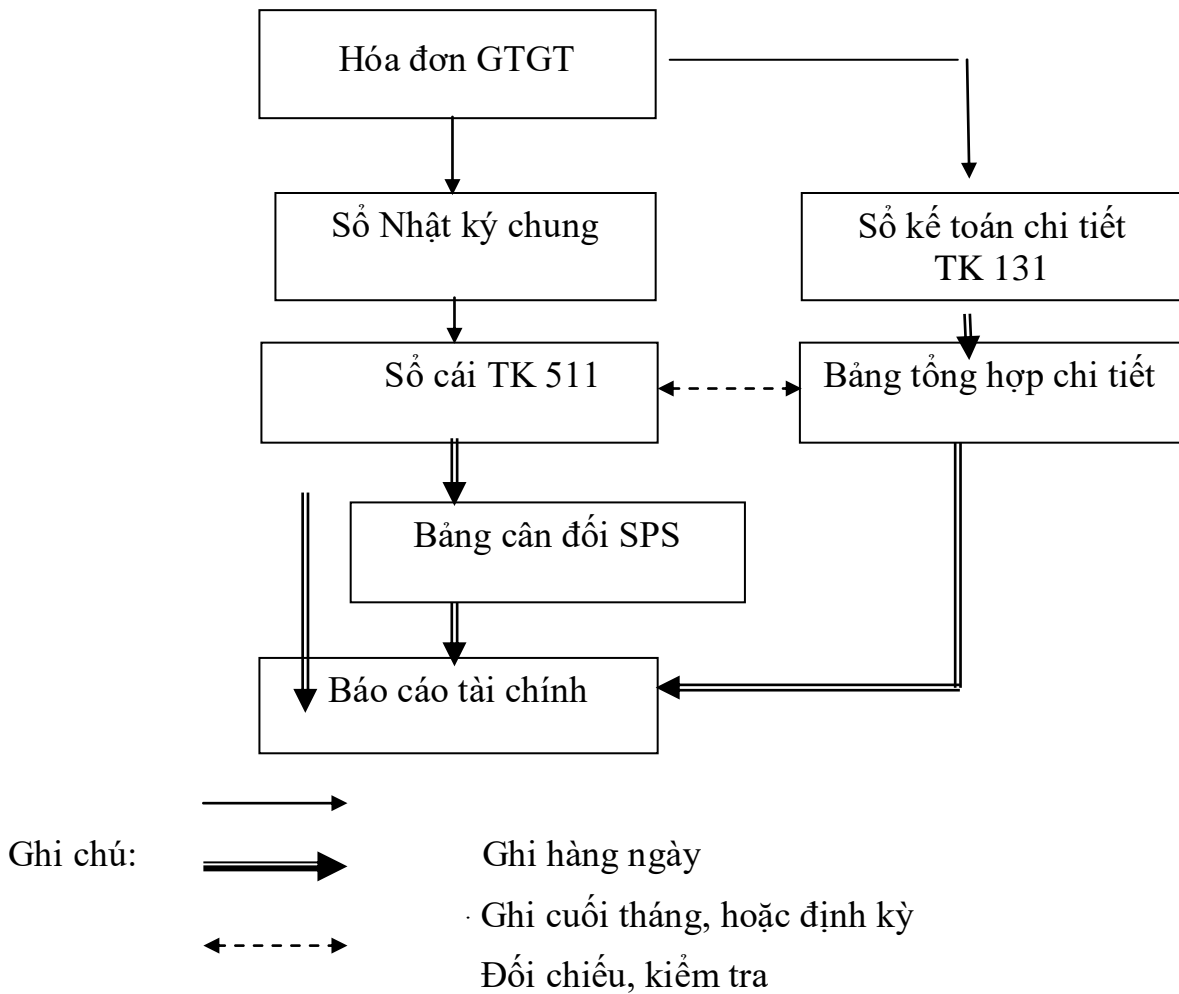
Liên 3: Màu xanh, làm căn cứ bán hàng và giao cho kế toán hạch toán nghiệp vụ bán hàng.

- Đối với phiếu thu. Khi khách hàng nộp tiền kế toán lập 2 liên:

+ Liên 1: Lưu tại phòng kế toán làm căn cứ để nhập dữ liệu vào sổ sách liên quan.

+ Liên 2: Giao cho khách hàng.

Sơ đồ 2.4: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu



Quy trình hạch toán:

- Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu thu... kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK131, từ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các tài khoản có liên quan như TK111,112,511,333... Cuối quý, năm kế toán căn cứ vào số liệu trên các sổ chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết. Trước khi lập bảng cân đối số phát sinh kế toán phải đối chiếu số liệu trên sổ cái với bảng tổng hợp chi tiết để kiểm tra tính chính xác của số liệu. Số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp

Ví dụ 1:

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0055174 ngày 14/12/2017 về việc vận chuyển hàng cho Công ty TNHH TM và DV Vận Tải Hoàng Hưng và các chứng từ có liên quan. Kế toán ghi vào sổ sách liên quan theo định khoản

Nợ TK131 : 38.500.000

Có TK511 : 35.000.000

Có TK 3331 : 3.500.000

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.2) đồng thời ghi vào chi tiết TK131(biểu số 2.5) căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK511 (biểu số 2.3) sổ cái TK131(biểu số 2.4) và sổ cái TK333

Cuối quý căn cứ vào sổ chi tiết TK131 lập bảng tổng hợp phải thu khách hàng (biểu số 2.6), từ sổ cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng tổng hợp chi tiết và bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập BCTC.

Biểu số 2.1. Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01/GTKT/3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		AA/17P			
Liên 3: Nội bộ		Số: 0055174			
<i>Ngày 14 tháng 12 năm 2017</i>					
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ Phần Sản Xuất Và Thương Mại Hùng Nhung					
Địa chỉ: Số 13 lô 28B KĐT M, đường Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng					
Số Tài Khoản:					
Điện thoại:		MS: 0200888784			
Họ và tên người mua hàng: Công ty TNHH TM và DV Vận Tải Hoàng Hưng					
Địa chỉ: Số 17 dãy 20 Đông Quốc Bình, Ngô Quyền, Hải Phòng					
Số Tài Khoản:					
Hình thức thanh toán: CK / TM		MS: 0200582655			
ST	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
T					
A	B	C	1	2	3
	Cước vận chuyển hàng hóa				35.000.0000
Cộng tiền hàng:					35.000.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		3.500.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:					38.500.000
Số tiền bằng chữ: Ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(Ký, đóng dấu, họ tên)</i>	

Biểu số 2.2: Trích Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Sản Xuất và Thương Mại Hùng Nhung
 Địa chỉ: Số 13 lô 28B KĐTM, Lê Hồng Phong, Đông Khê, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S03a- DNN
 (Ban hành theo TT số: 133/2016/QĐ-BTC
 Ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
 Năm 2017

ĐVT:VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Số phát sinh		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
A	B	C		E	G
....
HĐ 55166	05/12	Vận chuyển hàng cho Cty CPĐT Nguyễn Hải Thành	131	511	58.500.000
HĐ 55166	05/12	Thuế GTGT đầu ra	131	333	5.850.000
HĐ 55167	05/12	V/c hàng cho CTy TNHH TMDV & VT Thái Hà	131	511	84.500.000
HĐ 55167	05/12	Thuế GTGT đầu ra	131	333	8.450.000
....
PT10/12	05/12	Thu cước V/c CT TNHH TMDV & VT Thái Hà	111	511	14.500.000
PT10/12	05/12	Thuế GTGT đầu ra	111	333	1.450.0000
....
HĐ 055174	14/12	Vận chuyển hàng cho CT TNHH TM & DV Vận Tải Hoàng Hưng	131	511	35.000.000
HĐ 055174	14/12	Thuế GTGT đầu ra	131	333	3.500.000
HĐ 055175	15/12	Vận chuyển hàng cho CTy Bách Hải	131	511	196.000.000
HĐ 055175	15/12	Thuế GTGT đầu ra	131	333	19.600.000
GBN 162	15/12	Công ty Bách Hải chuyển trả tiền v/c	331	112	215.600.000
....
PKT14	31/12	K/C doanh thu dịch vụ vận chuyển	511	911	10.928.317.879
		Cộng			99.904.673.055

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.3: Trích Sổ cái TK 511

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Sản Xuất và Thương Mại Hùng Nhung
 Địa chỉ: Số 13 lô 28B KDTM, Lê Hồng Phong, Đông Khê, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S03b- DNN
 (Ban hành theo TT số: 133/2016/QĐ-BTC
 Ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
.....
HĐ 55166	05/12	Vận chuyển hàng cho Cty CPĐT Nguyễn Hải Thành	131		58.500.000
HĐ 55167	05/12	V/c hàng cho CTy TNHH TMDV & VT Thái Hà	131		84.500.000
PT10/12	05/12	Thu cước V/c CT TNHH TMDV & VT Thái Hà	111		14.500.000
HĐ 055174	14/12	Vận chuyển hàng cho CT TNHH TM & DV Vận Tải Hoàng Hưng	131		35.000.000
HĐ 055175	15/12	Vận chuyển hàng cho CTy Bách Hải	131		196.000.000
PKT14	31/12	K/C doanh thu dịch vụ vận chuyển	911	10.928.317.879	
		Cộng phát sinh		10.928.317.879	10.928.317.879
		Số dư cuối kỳ			

Số dư cuối kỳ :0

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.4: Trích Sổ cái TK 131

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Sản Xuất và Thương Mại Hùng Nhung
 Địa chỉ: Số 13 lô 28B KĐT M, Lê Hồng Phong, Đông Khê, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S03b- DNN
 (Ban hành theo TT số: 133/2016/QĐ-BTC
 Ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
 Tài khoản 131: Phải thu khách hàng
 Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
.....
HĐ 55166	05/12/2017	Vận chuyển hàng cho Cty CPĐT Nguyễn Hải Thành	511	58.500.000	
HĐ 55166	05/12/2017	Thuế GTGT đầu ra	333	5.850.000	
HĐ 55167	07/12/2017	V/c hàng cho CTy TNHH TMDV & VT Thái Hà	511	84.500.000	
HĐ 55167	07/12/2017	Thuế GTGT đầu ra	333	8.450.000	
HĐ 55174	14/12/2017	Vận chuyển hàng cho CT TNHH TM & DV Vận Tải Hoàng Hưng	511	35.000.000	
HĐ 55174	14/12/2017	Thuế GTGT đầu ra	333	3.500.000	
HĐ 55175	15/12/2017	Vận chuyển hàng cho cty Bách Hải	511	196.000.000	
HĐ 55175	15/12/2017	Thuế GTGT đầu ra	333	19.600.000	
BC162	15/12/2017	Công ty Bách Hải chuyển trả tiền v/c	112		215.600.000
		
		Cộng phát sinh		10.896.391.500	9.629.380.000
		Số dư cuối kỳ		<u>1.945.071.551</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.5

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Sản Xuất và Thương Mại Hùng Nhung

Địa chỉ: Số 13 lô 28B KĐT M, Lê Hồng Phong, Đông Khê, Ngô Quyền, Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA NGƯỜI BÁN

TK:131

Đối tượng: Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Hoàng Hưng

Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
		Số dư đầu quý				-	-
HĐ 2136	4/12/2017	Cước vận chuyển	511	56.500.000		56.500.000	
HĐ 2136	4/12/2017	Thuế GTGT đầu ra	3331	5.650.000		62.150.000	
.....	
HĐ 55174	14/12/2017	Cước vận chuyển hàng	511	35.000.000		97.150.000	
HĐ 55174	14/12/2017	Thuế GTGT đầu ra	3331	3.500.000		100.650.000	
HĐ 55275	21/12/2017	Cước vận chuyển	511	39.600.000		140.250.000	
HĐ 55275	21/12/2017	Thuế GTGT đầu ra	3331	3.960.000		144.510.000	
BC 170	21/12/2017	Trả tiền theo hoá đơn 55174	112		38.500.000	105.710.000	
BC 171	21/12/2017	Trả tiền theo hoá đơn 55275	112		43.560.000	62.150.000	
.....
		Cộng số phát sinh		525.600.000	233.850.000		
		Số dư cuối kỳ				291.750.000	

Sinh viên: Ngô Phạm Thúy Ngân

Lớp: QT1802K

Biểu số 2.6

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Sản Xuất và Thương Mại Hùng Nhung

Địa chỉ: Số 13 lô 28B KĐT M, Lê Hồng Phong, Đông Khê, Ngô Quyền, Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN

TK:131
Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có		Nợ	Có	
1	Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Hoàng Hưng			525.600.000	233.850.000	291.750.000	
2	Công ty CP Thương Mại Bắc Hải	45.800.000		425.500.000	318.348.000	152.800.000	
3	Công ty TNHH ĐT TM Tân Thuận Phát			985.200.000	728.900.000	256.300.000	
4	Công ty TNHH TM DV và VT Thái Hà	25.400.000		122.300.000	62.200.000	85.500.000	
.....	
	Cộng	678.060.000		10.896.391.500	9.629.380.000	2.159.572.500	214.501.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ Phần Sản Xuất Và Thương Mại Hùng Nhung

Do đặc điểm của ngành dịch vụ nói chung và dịch vụ vận tải nói riêng, quá trình sản xuất tương đối giản đơn, không trải qua nhiều công đoạn phức tạp trong quá trình sản xuất gắn liền với quá trình tiêu thụ nên không có sản phẩm dở dang cuối kỳ chuyển sang kỳ tiếp theo. Công ty tính giá thành theo phương pháp giản đơn. Theo phương pháp này tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ bằng tổng giá thành dịch vụ cung cấp trong kỳ

❖ Quy trình hạch toán

Giá thành sản phẩm của Công ty được tập hợp từ các chi phí:

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chủ yếu là dầu diesel được kế toán tập hợp vào TK 154 rồi kết chuyển sang TK 632 để tính giá thành dịch vụ vận chuyển

Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm lương của lái xe và phụ xe hạch toán vào TK 154 rồi kết chuyển sang TK 632 để tính giá thành dịch vụ vận chuyển

Chi phí sắm lốp, chi phí sửa chữa xe vận chuyển, chi phí dầu xe, ắc quy, chi phí vé xe, khấu hao xe vận chuyển... được tập hợp vào TK 142, 242 sau đó kết chuyển sang TK 154 rồi kết chuyển sang TK 632 để tính giá thành dịch vụ vận chuyển. Công ty tính giá thành theo phương pháp giản đơn

Tổng giá thành dịch vụ cung cấp = Tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ

➤ Tài khoản sử dụng:

TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

TK 632: Giá vốn hàng bán

➤ Chứng từ sử dụng:

- Bảng tính và phân bổ khấu hao.
- Bảng lương
- Phiếu chi
- Và các chứng từ liên quan

❖ Sổ sách liên quan:

Sổ cái TK 632, TK154...

Căn cứ vào các chứng từ liên quan như bảng tính phân bổ khấu hao, bảng lương, phiếu xuất, hóa đơn GTGT. Trong năm 2017 có các chi phí phát sinh được tập hợp như sau:

Trong năm công ty ký các hợp đồng vận chuyển với khách hàng lớn, hoặc khi nhu cầu vận tải quá lớn lượng xe không đủ để thực hiện hợp đồng nên công ty thuê đối tác khác thực hiện hợp đồng đó cho công ty, toàn bộ chi phí thuê ngoài này (gọi là chi phí dịch vụ thuê ngoài) kế toán tập hợp hết vào TK 154 sau đó kết chuyển sang TK 632 để xác định kết quả kinh doanh.

Căn cứ vào hóa đơn đầu vào như chi phí xăng dầu, kế toán tập hợp hết vào TK 154 sau đó kết chuyển sang TK 632 để xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Căn cứ vào bảng lương kế toán tiến hành tính lương và các khoản trích theo lương của bộ phận trực tiếp sau đó tập hợp vào TK 154 rồi kết chuyển sang TK 632 để xác định kết quả sản xuất kinh doanh.

Căn cứ vào bảng phân bổ khấu hao TSCĐ, phân bổ chi phí trả trước dài hạn, ngắn hạn, chi phí sửa chữa, chi phí vé kế toán tập hợp hết vào TK 154 sau đó kết chuyển sang TK 632 để xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tổng hợp chi phí phát sinh năm 2017:

Chi phí dịch vụ thuê ngoài: 7.653.654.473 đồng

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp(Xăng, Dầu) : 841.887.846 đồng

Lương và các khoản trích theo lương: 354.842.157 đồng

Chi phí phân bổ khấu hao TSCĐ, sửa chữa, vé: 579.406.361 đồng

Biểu số 2.7

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Sản Xuất và Thương Mại Hùng Nhung

Địa chỉ: Số 13 lô 28B KĐT M, Lê Hồng Phong, Đông Khê, Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Số : 16

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Ghi có TK154			
1	Tổng hợp giá vốn dịch vụ vận chuyển	632	154	9.429.790.837
	Tổng			9.429.790.837

Biểu số 2.8

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Sản Xuất và Thương Mại Hùng Nhung
Địa chỉ: Số 13 lô 28B KĐT M, Lê Hồng Phong, Đông Khê, Ngô
Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S03B- DNN
(Ban hành theo TT số: 133/2016/QĐ-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 632

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Năm 2017

DVT: VND

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		Dư đầu kỳ			
PKT20	31/12/2017	Tập hợp giá vốn dịch vụ vận chuyển	154	9.429.790.837	
PKT20	31/12/2017	K/C giá vốn dịch vụ vận chuyển	911		9.429.790.837
		Cộng phát sinh		9.429.790.837	9.429.790.837
		Số dư cuối kỳ		-	-

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh được sử dụng để phản ánh các chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến quản lý kinh doanh trong doanh nghiệp . Chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty chủ yếu là chi phí về lương, vật liệu văn phòng, phí và lệ phí, các chi phí khác liên quan đến quản lý kinh doanh.

Các khoản chi phí phát sinh được phản ánh vào tài khoản này phải có căn cứ hợp pháp, chứng từ xác thực.

Cuối kỳ, kế toán kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào TK 911 - xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản chi phí quản lý kinh doanh không có số dư cuối kỳ.

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi (mẫu số 02TT- BTC)
- Hoá đơn GTGT (mẫu 01 - GTKT)
- Hóa đơn bán hàng thông thường (mẫu 02 - GTGT)
- Ủy nhiệm chi
- Bảng thanh toán lương (Mẫu số 02-LĐTL)
- Các chứng từ khác có liên quan.

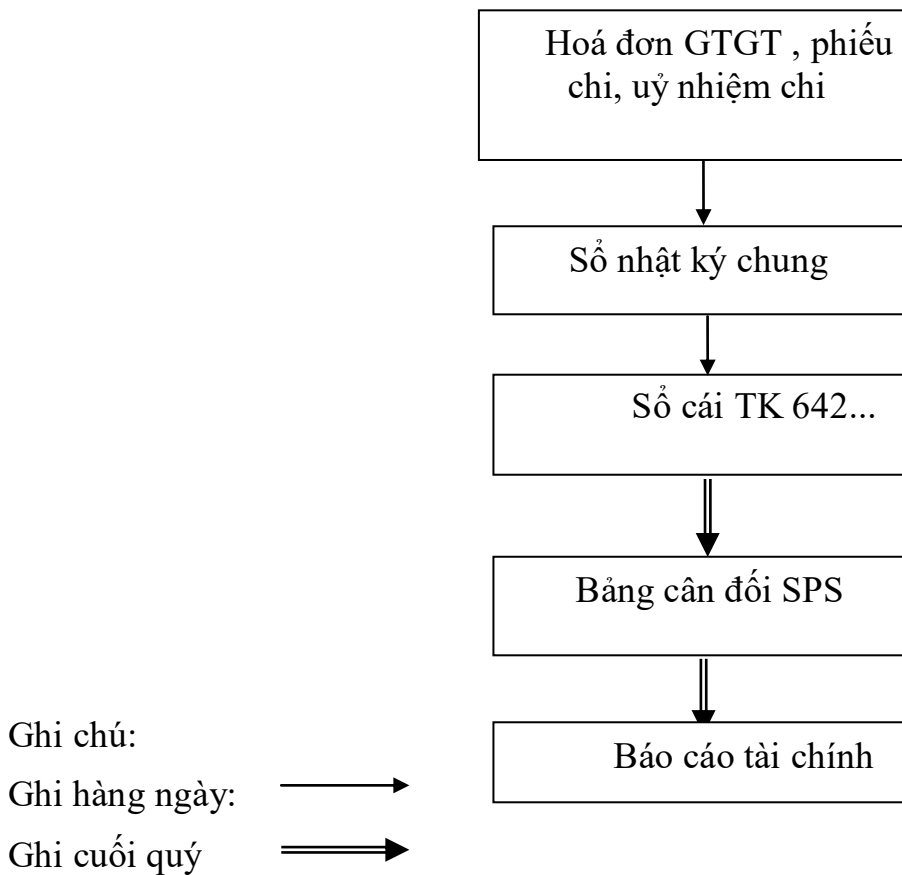
❖ Tài khoản sử dụng

TK 642- Chi phí quản lý kinh doanh.

Các tài khoản liên quan: TK 111, 112, 131, 133,...

❖ Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh



-Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu chi... kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, từ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các tài khoản có liên quan như TK111,112,642,133...

- Cuối quý, kế toán căn cứ vào số liệu trên các sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Số liệu từ bảng cân đối số phát sinh sẽ được sử dụng để lập BCTC

Ví dụ 1:

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0555878 và phiếu chi số 28/12 ngày 28/12/2017 về việc thanh toán tiền điện thoại tháng 12. Kế toán ghi sổ theo định khoản:

Nợ TK 642 : 1.862.303

Nợ TK 133 : 186.230

Có TK 111 : 2.048.533

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 642 (biểu số 2.10) và sổ cái TK133, TK111

Cuối năm căn cứ vào sổ cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập BCTC.

Mã số:

TT Dịch vụ khách hàng - Viễn Thông Hải Phòng

Tên khách hàng: Công ty Cổ Phần Sản Xuất Và Thương Mại Hùng Nhung

Địa chỉ: Số 13 lô 28B KĐT M, đường Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Mã số: 0200888784

Số điện thoại (tel): Mã số (code).....

Hình thức thanh toán: TM/CK

Dịch vụ sử dụng	Thành tiền
KỶ HÓA ĐƠN THÁNG 12/2017	1.862.303
a, Cước dịch vụ viễn thông	0
b, Cước dịch vụ viễn thông không thuế	0
c, Chiết khấu + đa dịch vụ	0
d, Khuyến mại	0
e, Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ	
(a+b+c+d) Cộng tiền dịch vụ(1)	1.862.303
Thuê suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT (2)	186.230
(1+2+e) Tổng cộng tiền thanh toán	2.048.533

Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu không trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm ba ba đồng chẵn

Ngày.. .tháng.. .năm..

Người nộp tiền ký

Nhân viên giao dịch ký

Biểu số 2.9

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Sản Xuất và Thương Mại Hùng Nhung
Địa chỉ: Số 13 lô 28B KĐT M, Lê Hồng Phong, Đông Khê, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: 02-TT

(Ban hành theo TT số: 133/2016/QĐ-BTC

Ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

SỐ: 28/12

Ngày 28 tháng 12 năm 2017

TK ghi nợ: 642,133

TK ghi có: 1111

Họ tên người nhận tiền : Đào Quế Hương

Địa chỉ : Phòng kế toán

Lý do chi : Thanh toán tiền điện thoại tháng 12/2017

Số tiền : 2.048.533

Số tiền: Hai triệu không trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm ba ba đồng chẵn

Kèm theo: 01 Chứng từ gốc HĐ 055878

Ngày 14 tháng 12 năm 2017

Giám đốc (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người lập biểu (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
---------------------------------	---------------------------------------	---------------------------------------	--	--------------------------------

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ):Hai triệu không trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm ba ba đồng chẵn

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).....

+ Số tiền quy đổi:.....

Biểu số 2.10

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Sản Xuất và Thương Mại Hùng Nhung
 Địa chỉ: Số 13 lô 28B KDTM, Lê Hồng Phong, Đông Khê, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S03b- DNN
 (Ban hành theo TT số: 133/2016/QĐ-BTC
 Ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 642

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Năm 2017

DVT: VND

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu quý			
.....
PC12/12	14/12/2017	Trả tiền mua văn phòng phẩm	111	2.124.771	
PC28/12	28/12/2017	Trả cước điện thoại tháng 12	111	1.862.303	
.....
TL12	31/12/2017	Lương bộ phận quản lý tháng 12	334	63.525.430	
TL12	31/12/2017	BH tính vào chi phí	338	14.610.849	
PKT20	31/12/2017	K/C chi phí quản lý kinh doanh	911		1.432.057.900
		Cộng phát sinh		1.432.057.900	1.432.057.900
		Số dư cuối kỳ		-	-

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4 Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty Cổ Phần Sản Xuất Và Thương Mại Hùng Nhung

Sinh viên: Ngô Phạm Thúy Ngân
Lớp: QT1802K

2.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Tại Công ty Cổ Phần Sản Xuất Và Thương Mại Hùng Nhung thì doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu là các khoản lãi tiền gửi ngân hàng.

❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Giấy báo có
- Phiếu kế toán

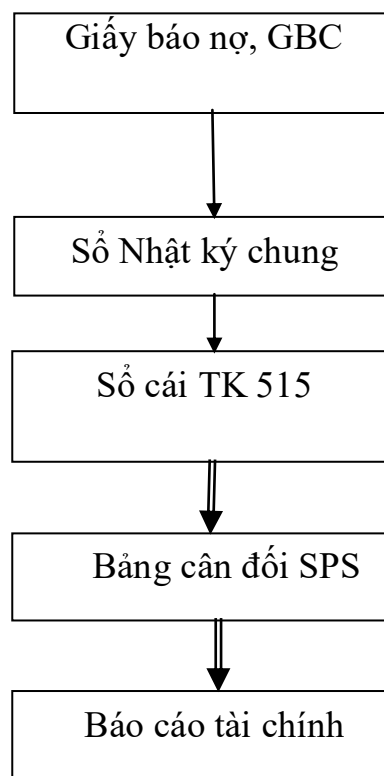
❖ Tài khoản sử dụng

- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính
- Các tài khoản khác có liên quan

2.2.4.2. Phương pháp hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

❖ Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi định kỳ: =====>

- Hàng ngày, căn cứ vào GBN, GBC, phiếu chi, ủy nhiệm chi kế toán hạch toán vào Sổ Nhật ký chung, từ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các tài khoản có liên quan như TK515, TK112

- Cuối năm, kế toán căn cứ vào số liệu trên các sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Số liệu từ bảng cân đối số phát sinh sẽ được sử dụng để lập BCTC

Ví dụ 1:

Căn cứ vào giấy báo có số 170 ngày 31/12/2017 ngân hàng Vietinbank về việc nhận lãi tiền gửi và các chứng từ có liên quan Kế toán ghi vào sổ sách kế toán theo định khoản

Nợ TK 112 : 44.029

Có TK 515: 44.029

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào nhật ký chung. Căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK515 (biểu số 2.12)

Cuối năm căn cứ vào sổ cái TK515 để lập bảng cân đối số phát sinh, bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập BCTC

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

VIETINBANK

PHIẾU BÁO CÓ

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kính gửi: Công ty Cổ Phần Sản Xuất Và

Số tài khoản: 109.20016596.01.5

Thương Mại Hưng Nhung

Loại tiền: VNĐ

Địa chỉ: Số 13 lô 28B KĐT M, đường Lê
Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô
Quyền, Hải Phòng

Loại tài khoản: TIEN GUI THANH TOAN

Giao dịch: 152

Mã số thuế: 0200888784

Số ID khách hàng: 1342

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Trả lãi tiền gửi	44.029
Tổng số tiền	44.029

Số tiền viết bằng chữ: Bốn mươi bốn ngàn không trăm hai chín đồng./

Trích yếu: Tra lai so du tren tai khoan - thang 12/2017

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

VIETINBANK HẢI PHÒNG
PHÒNG DỊCH VỤ
KHÁCH HÀNG

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

DVT: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
.....
PC 01/12	1/12/2017	Nộp tiền vào TK ngân hàng	112	111	31.400.000
PT01/12	6/12/2017	Vận chuyển hàng cho Công ty Hoàng Huy	111	511	14.500.000
PT01/12	6/12/2017	Thuế GTGT đầu vào	111	333	1.450.000
....	
PC25/12	25/12/2017	Trả phí dịch vụ CPN	642	111	18.000
....
BC152	31/12/2017	Lãi tiền gửi ngân hàng	112	515	44.029
PKT21	31/12/2017	K/C doanh thu hoạt động tài chính	515	911	579.207
.....
		Cộng			99.904.673.055

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.12

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Sản Xuất và Thương Mại Hùng Nhung
 Địa chỉ: Số 13 lô 28B KĐT M, Lê Hồng Phong, Đông Khê, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S03b- DNN
 (Ban hành theo TT số: 133/2016/QĐ-BTC
 Ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 515

Tài khoản : Doanh thu hoạt động tài chính

Năm 2017

ĐVT: VND

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
	
BC110	25/12/2017	Ngân hàng trả lãi tiền gửi	112		33.725
BC152	31/12/2017	Lãi tiền gửi ngân hàng	112		44.029
PKT21	31/12/2017	K/C doanh thu hoạt động tài chính	911	579.207	
		Cộng số phát sinh		579.207	579.207
				-	-

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.5. Xác định kết quả kinh doanh

- Bất kỳ một doanh nghiệp nào khi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đều phải quan tâm đến hiệu quả và kết quả của doanh nghiệp mình. Nội dung của kết quả sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Sản Xuất và Thương Mại Hùng Nhung bao gồm

- Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Kết quả hoạt động tài chính
- Kết quả hoạt động khác
- ❖ Tài khoản kế toán sử dụng
- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

+ Bên Nợ:

- Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cung cấp
- Chi phí hoạt động tài chính
- Chi phí quản lý kinh doanh
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- Kết chuyển lãi

+ Bên Có:

- Doanh thu thuần về sản phẩm hàng hóa dịch vụ cung cấp
- Doanh thu hoạt động tài chính
- Kết chuyển lỗ

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối

+ Bên Nợ:

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp
- Trích lập các quỹ
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, các nhà đầu tư
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh

+ Bên Có:

- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ

- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh

- Ngoài ra còn có các tài khoản khác có liên quan

- ❖ Phương pháp xác định kết quả kinh doanh

Cuối năm kế toán tổng hợp số liệu từ các sổ sách kế toán có liên quan lập phiếu kế toán định khoản xác định lãi lỗ.

Kết quả hoạt động kinh doanh được xác định như sau:

$$\mathbf{KQKD = DTT - CP + KQTC + KQHĐ khác}$$

Trong đó:

Chi phí = *Giá vốn hàng bán* + *Chi phí quản lý kinh doanh*

KQTC = *Doanh thu HĐTC* - *Chi phí HĐTC*

KQHĐ khác = *Thu nhập khác* - *Chi phí khác*

Ví dụ 1:

Cuối tháng 12 kế toán công ty thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh. Kế toán ghi các bút toán kết chuyển vào phiếu kế toán. Từ phiếu kế toán kế toán vào các sổ sách liên quan

-Tập hợp phát sinh bên Có TK 911 bao gồm:

+ Doanh thu cung cấp dịch vụ

+ Doanh thu hoạt động tài chính

-Tập hợp phát sinh bên Nợ TK 911 bao gồm:

+ Giá vốn dịch vụ cung cấp

+ Chi phí quản lý kinh doanh

- Thu nhập chịu thuế = 10.928.897.086 – 10.861.848.737 = 60.048.349

- Thuế TNDN phải nộp = 60.048.349 x 25% = 16.762.087

- Lợi nhuận sau thuế = 60.048.349 - 16.762.087 = 50.286.262

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Số: 20

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Ghi nợ TK 911			
1	Giá vốn hàng bán	911	632	9.429.790.837
2	Chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	1.432.057.900
3	Chi phí thuế TNDN	911	821	16.762.087
4	Lợi nhuận sau thuế	911	421	50.286.262
	Tổng			10.928.897.086

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Số: 21

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Ghi Có TK911			
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	10.928.317.879
2	Doanh thu hoạt động tài chính	515	911	579.207
	Tổng			10.928.897.086

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

ĐVT: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng		Số tiền
Số	Ngày				
PC01/12	1/12/2017	Nộp tiền vào tk ngân hàng	112	111	31.400.000
PT06/12	6/12/2017	Vận chuyển hàng cho Cty	111	511	14.500.000
PT06/12	6/12/2017	Thuê gttg đầu ra	111	333	1.450.000
.....
PKT20	31/12/2017	K/C giá vốn dịch vụ vận chuyển	911	632	9.429.790.837
PKT20	31/12/2017	K/C chi phí quản lý kinh doanh	911	642	1.432.057.900
PKT21	31/12/2017	K/C doanh thu dịch vụ vận	511	911	10.928.317.879
PKT21	31/12/2017	K/C doanh thu hoạt động tài	515	911	579.207
PKT20	31/12/2017	K/C chi phí thuế TNDN	911	821	16.762.087
PKT20	31/12/2017	Lợi nhuận sau thuế	911	421	50.286.262
		Cộng			99.904.673.055

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Sản Xuất và Thương Mại Hùng Nhung
 Địa chỉ: Số 13 lô 28B KĐT M, Lê Hồng Phong, Đông Khê, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S03b- DNN
(Ban hành theo TT số: 133/2016/QĐ-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**Số hiệu TK: 911****Tài khoản : Xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh****Năm 2017****DVT: VND**

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Dư đầu quý			
PKT20	31/12/2017	K/C giá vốn dịch vụ vận chuyển	632	9.429.790.837	
PKT20	31/12/2017	K/C chi phí quản lý kinh doanh	642	1432.057.900	
PKT21	31/12/2017	K/C doanh thu dịch vụ vận chuyển	511		10.928.317.879
PKT21	31/12/2017	K/C doanh thu hoạt động tài chính	515		579.207
PKT20	31/12/2017	K/C chi phí thuế TNDN	821	16.762.087	
PKT20	31/12/2017	Lợi nhuận sau thuế	421	50.286.262	
		Cộng số phát sinh		10.928.897.086	10.928.897.086
		Số dư cuối quý		-	-

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Sản Xuất và Thương Mại Hùng Nhung Địa chỉ: Số 13 lô 28B KĐTMT, Lê Hồng Phong, Đông Khê, Ngô Quyền, Hải Phòng	Mẫu số: B02- DNN (Ban hành theo TT số: 133/2016/QĐ-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)
---	---

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết Minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và CCDV	01	VI.08	10.928.317.879	10.569.315.409
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		10.928.317.879	10.569.315.409
4. Giá vốn hàng bán	11		9.429.790.837	10.253.786.300
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.498.527.042	315.529.109
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		579.207	602.342
7. Chi phí tài chính	22			
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí quản lý kinh doanh	25		1.432.057.900	352.484.195
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		67.048.349	(36.352.744)
10. Thu nhập khác	31		-	-
11. Chi phí khác	32		-	-
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		67.048.349	(36.352.744)
14. Chi phí thuế TNDN	51	VI.09	16.762.087	
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		50.286.262	(36.352.744)

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG III: MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HÙNG NHUNG

3.1. Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ Phần Sản Xuất Và Thương Mại Hùng Nhung

Trong cơ chế thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay thì mỗi doanh nghiệp phải lập ra được kế hoạch kinh doanh riêng cho mình để có thể duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh của công ty. Muốn được như vậy, trước hết công ty phải không ngừng đổi mới và hoàn thiện công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường hiện nay vì kế toán là bộ máy kinh tế tài chính của doanh nghiệp. Thông qua việc lập chứng từ, kiểm tra, ghi chép, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng các phương pháp khoa học kỹ thuật có thể biết được những thông tin chính xác kịp thời và đầy đủ về sự vận động của tài sản và nguồn hình thành nên tài sản, góp phần bảo vệ và sử dụng hợp lý tài sản của doanh nghiệp. Việc lập báo cáo tài chính của kế toán sẽ cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm đến tình hình tài chính của doanh nghiệp như các nhà quản lý, nhà đầu tư, cơ quan thuế.... một cách chính xác và cụ thể.

Qua một thời gian thực tập tại Công ty Cổ Phần Sản Xuất và Thương Mại Hùng Nhung với việc nghiên cứu đề tài: **“Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Sản Xuất và Thương Mại Hùng Nhung”** em xin đưa ra một số ý kiến như sau:

3.1.1. Ưu điểm

- Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh:

Công ty đã tổ chức các phòng ban hoạt động thực sự hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời và nhanh chóng, bộ máy quản lý gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của mình.

- Về tổ chức bộ máy kế toán của công ty:

Cơ cấu của phòng tài chính kế toán gọn nhẹ. Các cán bộ kế toán có lòng yêu nghề, có tính độc lập, nhiệt tình, chưa để xảy ra sai phạm đáng kể trong hạch toán thống kê.

- Về hạch toán kế toán nói chung:

Nhìn chung Công ty thực hiện đầy đủ và chính xác chế độ kế toán cũng như những chuẩn mực ban hành cụ thể:

- Chứng từ kế toán: Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ phát sinh tạo điều kiện cho tìm kiếm, kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết. Kế toán sử dụng hệ thống chứng từ kế toán đúng chế độ kế toán của Bộ tài chính ban hành.

- Về sổ sách kế toán: Các sổ sách kế toán được thực hiện rõ ràng sạch sẽ và được lưu trữ theo các chuẩn mực và quy định chung của nhà nước. Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung, hình thức này có ưu điểm cơ bản là ghi chép đơn giản, kết cấu sổ dễ ghi, số liệu kế toán dễ đối chiếu, dễ kiểm tra. Sổ cái cho phép người quản lý theo dõi được các nội dung kinh tế.

- Về hệ thống tài khoản sử dụng: Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ báo cáo tài chính doanh nghiệp ban hành theo thông tư số: 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành và các thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung.

- Về hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh: Công ty đã nắm bắt nhanh những thông tin cần thiết, phù hợp với những thay đổi về chế độ kế toán đang áp dụng cho đơn vị mình một cách phù hợp, đặc biệt là vấn đề hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại đơn vị.

- Về tổ chức kế toán doanh thu: Việc theo dõi hạch toán doanh thu là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của công ty. Vì vậy, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi

nhận giữa doanh thu và chi phí phát sinh.

- Về công tác kế toán chi phí: Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn phải quan tâm và tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đảm bảo được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

- Về công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác.

3.1.2. Hạn chế

Trong thời gian vừa qua, công ty đã cố gắng xây dựng bộ máy quản lý cũng như xây dựng bộ máy kế toán ngày càng hoàn thiện hơn, nhằm hỗ trợ đắc lực cho công tác quản lý và công ty đã đạt được những thành tựu nhất định. Tuy nhiên, cùng với những mặt ưu điểm thì công tác hạch toán kế toán của công ty vẫn còn những mặt tồn tại.

> Về tổ chức bộ máy kế toán

Hiện nay một số cán bộ kế toán của công ty có trình độ chuyên môn chưa cao, nghiệp vụ chưa vững vàng, việc xử lý tình huống còn chậm, hơn nữa việc phân công công việc chưa hợp lý dẫn đến tình trạng số lượng nhân viên kế toán ít mà khối lượng công việc nhiều (thường dồn vào cuối kỳ) nên công tác kế toán còn gặp nhiều sai sót. Không những thế Công ty hiện đang dùng kế toán bằng tay chưa áp dụng các phần mềm kế toán nên khó đáp ứng được số liệu khi cần một cách chính xác và nhanh chóng.

> Về phân bổ chi phí khấu hao tài sản cố định

Hiện nay khoản trích khấu hao tài sản cố định sử dụng ở bộ phận quản lý kinh doanh tại công ty hạch toán vào chi phí sản xuất chung. Do đó làm sai lệch số phát sinh của tài khoản 154 và 642 cụ thể làm tăng chi phí sản xuất chung và làm giảm chi phí quản lý kinh doanh. Vì vậy ảnh hưởng đến tính chính xác của giá thành, lợi nhuận và ảnh hưởng trực tiếp đến việc ra quyết định của nhà quản lý.

Biểu số 3.1

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Sản Xuất và Thương Mại Hùng Nhung

Địa chỉ: Số 13 lô 28B KDTM, Lê Hồng Phong, Đông Khê, Ngô Quyền, Hải Phòng

BẢNG TRÍCH KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tháng 12 Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Tên TSCĐ	Bộ phận sử dụng	Nguyên giá	Năm sử dụng	Số khấu hao	TK627
	Somiromoóc 15C02471	Vận chuyển	350.000.000	8	4.166.667	4.166.667
	Somiromoóc 16M03361	Vận chuyển	400.000.000	8	5.555.556	5.555.556

	Xe ô tô con 16M9668	Quản lý DN	417.827.273	8	4.352.367	4.352.367
	Máy tính Sonny	Quản lý DN	13.607.273	4	283.485	283.485
	CÔNG		2.108.983.636		27.464.936	27.464.936

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

> Kế toán chưa theo dõi chi tiết chi phí quản lý kinh doanh cho từng đối tượng

Công ty không tiến hành mở sổ chi tiết chi phí quản lý kinh doanh TK 642 làm cho công ty không theo dõi được cụ thể các khoản mục chi phí nằm trong TK642 như: Chi phí tiền lương nhân viên quản lý; chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ công tác quản lý...

> Về việc lưu giữ và luân chuyển chứng từ

Chứng từ kế toán rất quan trọng đối với công tác quản lý tài chính nói chung và công tác tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Hiện nay việc lưu giữ và bảo quản chứng từ vẫn chưa hợp lý, chưa có sự ký nhận giữa các bên khi bàn giao chứng từ. Điều đó có thể dẫn đến việc thất lạc chứng từ mà không tìm ra được nguyên nhân ảnh hưởng đến việc hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

➤ Chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

Biểu số 3.2

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Sản Xuất và Thương Mại Hùng Nhung

Địa chỉ: Số 13 lô 28B KĐT M, Lê Hồng Phong, Đông Khê, Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

STT	TÊN KHÁCH HÀNG	Dư nợ cuối kỳ	Nợ chưa đến hạn	Nợ đến hạn	Nợ quá hạn	Nợ không đòi được
1	Công ty TNHH TM và DV Hoàng Hưng	291.750.000	291.750.000			
2	Công ty CP Thương Mại Bắc Hải	22.800.000			22.800.000	
3	Công ty TNHH Thành Đô	14.139.200				14.139.200
3	Công ty TNHH ĐT TM Tân Thuận Phát	16.450.031			16.450.031	
4	Công ty TNHH TM DV và VT Thái Hà	85.500.000	85.500.000			
5	Công ty Cổ Phần Sao Á	55.289.473		55.289.473		

	Tổng cộng	2.159.572.500	1.516.662.455	543.158.545	78.505.190	21.246.310

Dựa theo báo cáo trên thì công ty cần trích lập dự phòng năm 2017 đối với các khoản nợ sau:

- Khoản nợ Công ty CP Thương Mại Bắc Hải theo biên bản đối chiếu công nợ có hạn thanh toán 15/10/2016 đã quá hạn thanh toán trên 1 năm

- Khoản nợ Công ty TNHH ĐT TM Tân Thuận Phát theo biên bản đối chiếu công nợ khoản nợ có hạn thanh toán 10/02/2017 đã quá hạn thanh toán 10 tháng.

Đồng thời công ty phải xóa sổ khoản nợ sau:

- Đối với khoản nợ của Công ty TNHH Thành Đô phát sinh vào ngày 28/05/2017 được xác định là thu hồi được 25% số còn lại 14.139.200 đồng là không có khả năng thu hồi do công ty này đang trong tình trạng mất khả năng thanh toán.

Tuy nhiên công ty không tiến hành trích lập dự phòng cũng như không tiến hành xử lý xóa sổ. Việc không trích lập nợ phải thu khó đòi có thể dẫn đến ảnh hưởng về mặt tài chính khi trong tương lai doanh nghiệp không thu hồi được nợ.

> Chưa áp dụng chính sách ưu đãi đối với khách hàng

Hiện nay công ty không có chính sách ưu đãi trong kinh doanh. Đó là việc cho khách hàng hưởng các khoản chiết khấu. Thực tế cho thấy rằng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh cũng là một trong những biện pháp kích thích được nhu cầu khách hàng, thu hút nhiều khách hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, đẩy tăng doanh số tiêu thụ và rút ngắn vòng quay của vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Điều này trong nền kinh tế thị trường như hiện nay là rất cần thiết cho sự tồn tại của doanh nghiệp.

3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Sản Xuất và Thương Mại Hùng Nhung

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Sản Xuất và Thương Mại Hùng Nhung

Đối với doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh thu và xác

định kết quả là khâu cuối cùng kết thúc quá trình kinh doanh của doanh nghiệp nên đóng vai trò quan trọng. Thực tế, công tác kế toán còn thụ động, chỉ dừng ở mức độ ghi chép, cung cấp thông tin mà chưa có sự tác động tích cực. Xác định đúng doanh thu và kết quả hoạt động của công ty sẽ cho biết doanh nghiệp đó hoạt động ra sao, có hiệu quả hay không. Đồng thời là cơ sở để cho các cán bộ lãnh đạo điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh để tăng doanh thu hạ chi phí mặt khác xác định được mục tiêu chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động của công ty trong tương lai. Do vậy hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả có một ý nghĩa rất quan trọng.

3.2.2. Một số nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện công tác kế toán

Trong cơ chế thị trường, công tác kế toán ngày càng thể hiện vai trò quan trọng trong việc quản lý nền kinh tế nói chung và trong mỗi doanh nghiệp nói riêng. Vì vậy vấn đề hoàn thiện tổ chức công tác kế toán chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh là sự cần thiết khách quan và cần phải dựa vào một số nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc thống nhất
- + Đảm bảo sự thống nhất giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh
- + Đảm bảo sự thống nhất về hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách kế toán và phương pháp hạch toán Thực hiện đúng chế độ nhà nước ban hành
- Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học phù hợp với đặc điểm tính chất kinh doanh của doanh nghiệp. Đơn vị phải có đội ngũ nhân viên kế toán hiểu biết nghiệp vụ kế toán. Đặc biệt chú ý đến công tác trang bị phương tiện kỹ thuật, áp dụng kế toán máy trong thu thập xử lý các nghiệp vụ kinh tế
- Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác kịp thời, đầy đủ về mọi mặt của hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp, phục vụ kịp thời cho việc chỉ đạo quá trình kinh doanh.

3.2.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Sản Xuất và Thương Mại Hùng Nhung

Trước những yêu cầu hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán của Công ty cho phù hợp với chế độ của Nhà nước, phù hợp với trình độ chuyên môn của cán bộ kế toán Công ty. Qua quá trình thực tập tại Công ty, trên cơ sở tìm hiểu, nắm vững tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã được học, em nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh của công ty còn có những hạn chế mà nếu được khắc phục thì phần hành kế toán này của Công ty sẽ được hoàn thiện hơn. Bài viết xin đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm nâng cao công tác quản lý chi phí tại Công ty Cổ Phần Sản Xuất và Thương Mại Hùng Nhung:

Kiến nghị 1: Về việc tổ chức nhân sự phòng kế toán

Tổ chức công tác kế toán diễn ra một cách thuận lợi thì người kế toán phải có trình độ chuyên môn, hiểu được quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Để thực hiện giải pháp trên thì công ty nên đào tạo nâng cao tay nghề trình độ chuyên môn cho nhân viên. Kế toán trưởng phải sắp xếp bộ máy kế toán đúng người đúng việc. Công ty nên áp dụng khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán như việc sử dụng phần mềm kế toán. Hiện nay, có rất nhiều phần mềm kế toán như phần mềm kế toán MISA, BRAVO, phần mềm kế toán Việt Nam - KTVN, FAST, SASINNOVA... Công ty nên chọn một phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm của Công ty. Việc áp dụng phần mềm kế toán để giảm bớt công việc của kế toán giúp cho kế toán có thể đưa ra các báo cáo nhanh chóng, chính xác nhất phục vụ cho công tác quản trị của ban giám đốc. Giúp ban giám đốc có thể đưa ra các quyết định kinh doanh kịp thời tạo lợi thế cho doanh nghiệp trong kinh doanh. Tạo niềm tin vào các báo cáo tài chính mà công ty cung cấp cho các đối tượng.

Kiến nghị 2: Phân bổ lại chi phí khấu hao tài sản cố định

Công ty nên tiến hành phân bổ lại chi phí khấu hao tài sản cố định, để đảm bảo cho việc theo dõi và hạch toán khoản mục chi phí khấu hao tài sản cố định cho từng đối tượng. Việc tiến hành lập lại bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định cho các đối tượng sử dụng TSCĐ được hợp lý hơn. Từ đó giúp nhà quản lý theo dõi chính xác chi phí quản lý kinh doanh và xác định được chính xác giá thành sản xuất cũng như kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Tại công ty hiện nay tài sản cố định được sử dụng cho 2 bộ phận là bộ phận quản lý kinh doanh và bộ phận vận chuyển hàng hóa(Vận Tải). Nhưng công ty lại hạch toán toàn bộ chi phí khấu hao tài sản cố định thuộc bộ phận quản lý kinh doanh vào tài khoản chi phí cùng với các tài sản thuộc bộ phận vận chuyển vì thế việc tính và phân bổ chi phí khấu hao trong doanh nghiệp không được tách riêng cho từng bộ phận dẫn đến việc tập hợp chi phí xác định giá vốn dịch vụ vận tải không được chính xác.

Ngày 31/12/2017 kế toán tiến hành trích khấu hao TSCĐ dùng trong tháng 12. Dựa vào bảng tính khấu hao kế toán tiến hành vào sổ nhật ký chung và vào các sổ sách có liên quan.

Biểu số 3.3

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Sản Xuất và Thương Mại Hùng Nhung

Địa chỉ: Số 13 lô 28B KDTM, Lê Hồng Phong, Đông Khê, Ngô Quyền, Hải Phòng

BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tháng 12 Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

Số	Tên TSCĐ	Bộ phận sử dụng	Nguyên giá	Năm sử dụng	Số khấu hao	TK154	TK642
I	PH Ụ Ơ NG T I Ệ N V Ậ N T Ắ I						
	Somiromoóc 15C02471	Vận chuyên	350.000.000	8	4.166.667	4.166.667	
	Somiromoóc 16M03361	Vận Chuyển	400.000.000	8	5.555.556	5.555.556	
						
II	BỘ PH Ạ N Q U Ậ N L Ỡ						
	Xe ô tô con 16M9668	Quản lý DN	417.827.273	7	4.352.367		4.352.367
	Máy tính Sonny	Quản lý DN	13.607.273	10	283.485		283.485
	CÔNG		2.108.983.636		27.464.936	22.137.524	5.327.412

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kiểm nghị 3: Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

Công ty nên trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nhằm đề phòng nợ phải thu thất thu khi khách hàng không có khả năng chi trả nợ và xác định giá trị thực của một khoản tiền nợ phải thu lập trên BCTC của năm báo cáo.

> **Căn cứ xác định nợ phải thu khó đòi**

Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán trên hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ.

Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán, nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người vay nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

> **Phương pháp xác định**

Dựa trên tài liệu hạch toán chi tiết các khoản nợ phải thu của từng khách hàng, phân loại theo thời hạn thu nợ, các khách hàng quá hạn được xếp loại khách hàng khó đòi, nghi ngờ. Doanh nghiệp cần thông báo cho khách hàng và trên cơ sở thông tin phản hồi từ khách hàng, kể cả bằng phương pháp xác minh, để xác định số dự phòng theo số % không có khả năng thu hồi (thất thu):

$$\text{Dự phòng phải thu khó đòi} = \text{Nợ phải thu khó đòi} \times \text{Số \% không có khả năng thu hồi}$$

> **Mức trích lập:** (Theo thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009)

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên
- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc

đã chết thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng

> **Tài khoản sử dụng.** TK229

> **Phương pháp hạch toán**

a) Khi lập Báo cáo tài chính, căn cứ các khoản nợ phải thu được phân loại là nợ phải thu khó đòi, nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, kế toán trích lập bổ sung phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK [642](#) - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK [229](#) - Dự phòng tổn thất tài sản (2293).

b) Khi lập Báo cáo tài chính, căn cứ các khoản nợ phải thu được phân loại là nợ phải thu khó đòi, nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, kế toán hoàn nhập phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK [229](#) - Dự phòng tổn thất tài sản (2293)

Có TK [642](#) - Chi phí quản lý doanh nghiệp.

c) Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định là không thể thu hồi được, kế toán thực hiện xoá nợ theo quy định của pháp luật hiện hành. Căn cứ vào quyết định xoá nợ, ghi:

Nợ các TK [111](#), [112](#), [331](#), [334](#)....(phần tổ chức cá nhân phải bồi thường)

Nợ TK [229](#) - Dự phòng tổn thất tài sản (2293)(phần đã lập dự phòng)

Nợ TK [642](#) - Chi phí quản lý doanh nghiệp (phần được tính vào chi phí)

Có các TK [131](#), [138](#), [128](#), [244](#)...

d) Đối với những khoản nợ phải thu khó đòi đã được xử lý xoá nợ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được, ghi:

Nợ các TK [111](#), [112](#),

Có TK [711](#) - Thu nhập khác.

đ) Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn được bán theo giá thoả thuận, tùy từng trường hợp thực tế, kế toán ghi nhận như sau:

- Trường hợp khoản phải thu quá hạn chưa lập dự phòng phải thu khó đòi, ghi:

Nợ các TK [111](#), [112](#) (theo giá bán thỏa thuận)

Nợ TK [642](#) - Chi phí quản lý doanh nghiệp (số tổn thất từ việc bán nợ)

Có các TK [131](#), [138](#), [128](#), [244](#)...

- Trường hợp khoản phải thu quá hạn đã lập dự phòng phải thu khó đòi nhưng số đã lập dự phòng không đủ bù đắp tổn thất khi bán nợ thì số tổn thất còn lại được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp, ghi:

Nợ các TK [111](#), [112](#) (theo giá bán thỏa thuận)

Nợ TK [229](#) - Dự phòng tổn thất tài sản (2293) (số đã lập dự phòng)

Nợ TK [642](#) - Chi phí quản lý doanh nghiệp (số tổn thất từ việc bán nợ)

Có các TK [131](#), [138](#), [128](#), [244](#)...

e) Kế toán xử lý các khoản dự phòng phải thu khó đòi trước khi doanh nghiệp Nhà nước chuyển thành công ty cổ phần: Khoản dự phòng phải thu khó đòi sau khi bù đắp tổn thất, nếu được hạch toán tăng vốn Nhà nước, ghi:

Nợ TK [229](#) - Dự phòng tổn thất tài sản (2293)

Có TK [411](#) - Vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Ví dụ 3.4: Giả sử ngày 31/12/2017, kế toán tiến hành trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi trên Báo cáo tình hình công nợ như sau:

Tính số dự phòng nợ phải thu khó đòi năm 2017

$$\begin{aligned} \text{Số dự phòng phải thu khó đòi} &= 22.800.000 \times 50\% + 16.450.031 \times 30\% \\ &= 11.400.000 + 4.937.979 \\ &= 16.337.979 \text{ (đồng)} \end{aligned}$$

Kế toán định khoản: Nợ TK 6426 : 16.337.979

Có TK 229: 16.337.979

chung và các sổ sách liên quan.

Kiến nghị 4: Áp dụng chính sách ưu đãi

Như đã trình bày rõ tác dụng của các chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hoá. Để thu hút được nhiều khách hàng mới mà vẫn giữ được khách hàng lớn lâu năm, để tăng doanh thu, tăng lợi nhuận, Công ty nên có chính sách khuyến khích khách hàng với các hợp đồng có khối lượng vận chuyển lớn bằng cách áp dụng các chính sách chiết khấu ở những khách hàng lớn, quen thuộc.

- Chiết khấu thương mại:

Chiết khấu thương mại là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho khách hàng với các hợp đồng có khối lượng vận chuyển lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng. Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thương mại. Nhằm thúc đẩy việc cung cấp dịch vụ, thu hút thêm nhiều khách hàng. Chính sách chiết khấu thương mại tại công ty có thể thực hiện theo cách sau:

- Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của doanh nghiệp cùng ngành

- Chính sách chiết khấu thương mại được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp trong từng thời kỳ

> ***Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại***

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng vận tải được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng lần cuối cùng. Khoản chiết khấu này không được hạch toán vào tài khoản 521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

- Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi chiết khấu thương mại cho người mua chiết khấu thương mại ghi ngoài hóa đơn. Khoản chiết khấu thương mại này được hạch toán vào TK 521.

> ***Phương pháp hạch toán;***

1. Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ, kế toán ghi:
Nợ TK5211 - Chiết khấu thương mại (Số tiền đã trừ thuế GTGT phải nộp)

Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp

Có TK 111,112 - Thanh toán ngay

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng

2. Cuối kỳ kết chuyển số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận cho người mua sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần.

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 5211 - Chiết khấu thương mại

- Chiết khấu thanh toán:

Công ty nên có chính sách khuyến khích khách hàng với hình thức chiết khấu thanh toán. Như vậy công ty mới có khả năng thu hồi vốn nhanh, tăng được vòng quay luân chuyển vốn lưu động, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và hạn chế được các khoản đi vay của công ty. Công ty cần có những biện pháp thiết thực như:

- Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thanh toán của doanh nghiệp cùng ngành

- Công ty cũng có thể xây dựng chính sách chiết khấu thanh toán dựa vào lãi suất của ngân hàng tại thời điểm phát sinh, được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp

- Công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Căn cứ từng khách hàng thanh toán nợ mà công ty áp dụng mức chiết khấu theo thời gian.

Phương pháp hạch toán;

Công ty cần thực hiện việc ghi chép kế toán thông qua TK 635 - Chi phí tài chính (phản ánh khoản chi phí công ty phải chịu do giảm trừ khoản phải thu do khách hàng thanh toán trước thời hạn)

Nợ 635: Số tiền chiết khấu thanh toán cho hàng bán

Có TK 111,112,131: Tổng số tiền trả lại hoặc giảm nợ cho khách hàng

Cuối kỳ kết chuyển chiết khấu thanh toán để xác định kết quả kinh doanh:

Nợ TK 911: Kết chuyển chiết khấu thanh toán

Có TK 635: Chiết khấu thanh toán

KẾT LUẬN

Hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp chiếm vị trí, vai trò rất quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp. Thông qua hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh người quản lý doanh nghiệp, các đối tượng cần tìm hiểu về doanh nghiệp biết được doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả hay không, từ đó có những quyết định về mặt chiến lược đối với doanh nghiệp, quyết định đầu tư đối với các nhà đầu tư.

Khoá luận: “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Sản Xuất Và Thương Mại Hùng Nhung” đã nêu được các vấn đề cơ bản sau:

- Về mặt lý luận: Nêu được những vấn đề nhận thức về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, về kế toán doanh thu, kế toán chi phí sản xuất, chi phí quản lý, chi phí hàng bán ra và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Về mặt thực tế: Đã phản ánh được tình hình số liệu công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí sản xuất, chi phí bán hàng và chi phí quản lý, kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công ty Cổ Phần Sản Xuất Và Thương Mại Hùng Nhung năm 2017 để chứng minh cho khoá luận.

- Đối chiếu những vấn đề lý luận trong nghiên cứu với thực tế, hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh của Công ty Cổ Phần Sản Xuất Và Thương Mại Hùng Nhung: khoá luận đã đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh ở Công ty. Những kiến nghị này tuy còn mang màu sắc lý thuyết song phần nào cũng có cơ sở và xuất phát từ thực tế nên cũng mang tính khả thi. Đó cũng là đóng góp nhỏ bé vào công tác hạch toán kế toán hiện nay.

Do điều kiện thời gian và trình độ còn hạn chế, khoá luận của em không thể tránh khỏi những thiếu sót, khuyết điểm, em rất mong được sự chỉ bảo, góp ý của các cô, chú cán bộ Công ty Cổ Phần Sản Xuất Và Thương Mại Hùng Nhung, của các thầy cô và thầy giáo hướng dẫn.

Em xin chân thành cảm ơn Ban giám đốc Công ty Cổ Phần Sản Xuất Và Thương Mại Hùng Nhung, các cô chú, các anh chị trong phòng Tài chính kế toán của Công ty và thầy giáo hướng dẫn Thạc sĩ Đồng Thị Nga đã giúp em hoàn thành bài khoá luận này.

Hải Phòng, ngày ... tháng.... năm....

Sinh viên

Ngô Phạm Thúy Ngân

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1- Kế toán tài chính - Nhà xuất bản Tài chính Hà Nội
- 2- Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ - Bộ tài chính
- 3- Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính - Nhà xuất bản Tài chính Hà Nội
- 4- Khóa luận của các anh chị khoá trên trường ĐHDL Hải Phòng

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I.....	9
LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU	9
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH	9
TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	9
1.1. Những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	9
1.1.1 Sự cần thiết của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	9
1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	10
1.1.3. Một số khái niệm thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	11
1.1.3.1 Doanh thu và các loại doanh thu	11
1.1.3.2. Chi phí và các loại chi phí	13
1.1.3.3. Xác định kết quả hoạt động kinh doanh	13
1.1.3.4 Bán hàng và các phương pháp bán hàng trong doanh nghiệp	14
1.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	15
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.....	15
1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng	15
1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	19
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	21
1.2.3. Kế toán Chi phí quản lý kinh doanh.....	19
1.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính	22
1.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	22
1.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính	22
1.2.5. Kế toán thu nhập, chi phí khác.....	25
1.2.5.1. Kế toán thu nhập khác.....	25
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	29
1.2.6.1. Nội dung xác định kết quả kinh doanh	29
1.2.6.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	29
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	31
CHƯƠNG II.....	34
THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HÙNG NHUNG.....	34
2.1. Khái quát chung về Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Và Thương Mại Hùng Nhung.....	34
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.....	34

2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty Cổ phần Sản Xuất Và Thương Mại Hùng Nhung	35
2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Hùng Nhung	37
2.1.3.1 Tổ chức bộ máy kế toán.....	37
2.1.3.2 Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ tài khoản kế toán.....	39
2.1.3.3 Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty	39
2.1.3.4 Tổ chức hệ thống sổ sách và hình thức kế toán áp dụng tại Công ty:	39
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty	41
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Hùng Nhung	41
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ Phần Sản Xuất Và Thương Mại Hùng Nhung.....	50
2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	54
2.2.4 Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty Cổ Phần Sản Xuất Và Thương Mại Hùng Nhung	58
2.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	59
2.2.4.2. Phương pháp hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính	59
2.2.5. Xác định kết quả kinh doanh	64
CHƯƠNG III: MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HÙNG NHUNG	70
3.1. Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ Phần Sản Xuất Và Thương Mại Hùng Nhung.....	70
3.1.1. Ưu điểm	70
3.1.2. Hạn chế	72
3.2.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Sản Xuất và Thương Mại Hùng Nhung	78
KẾT LUẬN.....	86
TÀI LIỆU THAM KHẢO	87

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1. Hóa đơn GTGT.....	45
Biểu số 2.2: Trích Sổ nhật ký chung.....	45
Biểu số 2.3: Trích Sổ cái TK 511	46
Biểu số 2.4: Trích Sổ cái TK 511	47
Biểu số 2.5: Sổ chi tiết thanh toán với người mua người bán	48
Biểu số 2.6: <u>B</u> ảng tổng hợp thanh toán với người mua, người bán.....	49
Biểu số 2.7: <u>P</u> hiếu kế toán	52
Biểu số 2.8: sổ cái	53
Biểu số 2.9: Phiếu chi.....	57
Biểu số 2.10: Sổ cái.....	58
Biểu số 2.11: Phiếu báo có	61
Biểu số 2.12: Sổ cái.....	63
Biểu số 3.1: Bảng trích khấu hao tài sản cố định.....	73
Biểu số 3.2: Báo cáo tình hình công nợ đến ngày 31 tháng 12 năm 2012	75
Biểu số 3.3: Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định.....	80

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trực tiếp	18
Sơ đồ 1.2. Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng.	19
Sơ đồ 1.3: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả góp, trả chậm.	19
Sơ đồ 1.4: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu	21
Sơ đồ 1.5: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKTX	24
Sơ đồ 1.6: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKĐK	19
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh	21
Sơ đồ 1.8: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	23
Sơ đồ 1.9: Kế toán chi phí hoạt động tài chính	24
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác	26
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán chi phí khác	28
Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung được thể hiện qua sơ đồ sau:	32
Biểu số 2.1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý	36
Sơ đồ 2.2. Bộ máy kế toán	38
Sơ đồ 2.3 : Trình tự kế toán theo hình thức Nhật Ký Chung	40
Sơ đồ 2.4: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu	43
Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.	59